

3740
80
VDO-CHINOIS
448
Ouvrage adopté par la commission des manuels scolaires pour
les Ecoles franco-indigènes de l'Indochine

選百文韻



VÂN VĂN BÁCH TUYÊN

Trăm bài học thuộc lòng

để dùng trong các trường Sơ-Đẳng Pháp-Việt

RECUEIL DE CENT MORCEAUX CHOISIS DE

RÉCITATION ANNAMITE

à l'usage des différents cours des Ecoles primaires

par

DƯƠNG-TỰ-QUÁN

Ancien instituteur au groupe scolaire franco-indigène de Haiphong



1928

3ème édition

Prix 0\$35

Tous droits réservés

Sách này đã được Hội-đồng duyệt sách duyệt-y cho dùng
trong các trường Pháp-Việt.

Nên xem những cuốn tiểu-thuyết này :

I

THỜI ĐỜI ĐƠN BẠC

Truyện kết cấu rất tài tình ! rất ly kỳ !

Đọc cuốn này có thể ngấm biết được thể thái nhân tình, lại vừa thêm được cái trí khôn từng trải, vừa nuôi được cái đảm lược kiên cường.

Sách dày non 120 trang, khổ giấy rộng

Giá 0\$38 — Cước 0\$14

II

CÙNG BẠN THOA QUẦN

Trong tả rõ được những nỗi u uẩn, những nét thuần trinh và những thói dâm-ô của các bạn nữ-lưu ta, làm cho người đọc phải hồi hộp trong buồng gan, lúc khóc, khi cười, lúc căm giận, khi thương mến. . . thực là một cái quả qui báu cho các nhà ham xem tiểu-thuyết.

Trọn bộ, giá đặc biệt 0\$12

Cước thường 0\$02 ; Cước Recommandé 0\$12

III

Cảnh thu di hận

Chuyện gồm trong một tấn bi kịch, đầu đuôi công việc chỉ có mấy ngày trời mà đủ cả các cảnh ngộ ly kỳ làm cho độc giả phải rung mình, sồn dạn, những thở vắn than giải về những cảnh ngộ khất khe của người trong chuyện.

Sách dày 242 trang — Giá bán 0\$50 — Cước 0\$19

IV

KHÔNG ĐỘI GIỚI CHUNG

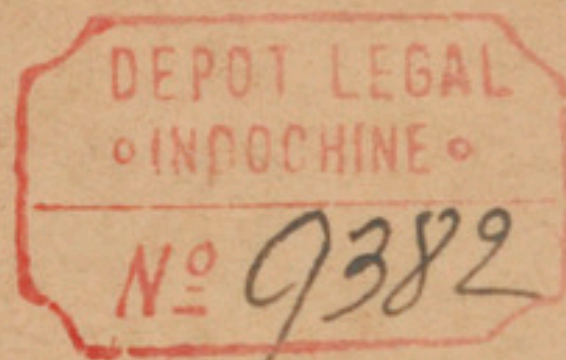
Chuyện này thực là một tấm gương kiên-nhẫn, gương nghị-lực đáng đem cheo để người đời soi chung . . .

Sách dày 200 trang khổ rộng — Giá 0\$72 — Cước 0\$16

Mua cả bốn cuốn, tiền cước tính chung là 0\$30 —
Mua một cuốn có thể gửi bằng timbres postes cũng được, nhưng thêm tiền cước.

Thư và mandat gửi cho M. Dương-tự-Quán

221 Rue du Colton, Hanoi



韻

VÂN VĂN BÁCH TUYỂN

TRĂM BÀI HỌC THUỘC LÒNG

*để dùng trong các
trường Sơ-Đẳng Pháp-Việt*

文

Dương-Tự-Quán

Cựu Giáo-viên tại trường Pháp-Việt Hải-phòng

BIÊN TẬP

百

IN LẦN THỨ BA

TẠI LONG-QUANG ẤN QUÁN

Số nhà 124, Phố Hàng Bông — HANOI

選

Sách này đã được Hội-đồng
duyet sách duyet y
cho dùng trong các trường Pháp-Việt.

80 Indoch.

778

NÊN CHÚ Ý

Nếu ai muốn rõ bài mình đọc thuộc về lỗi văn gì thì xin xem ở mấy trang mục lục (từ trang 95 đến 98) vì ở đấy bài nào thuộc về thể văn gì đều có chưa ngay bên cạnh bằng thứ chữ ngả.

Nếu lại muốn hiểu rõ lỗi văn ấy thể nào thì xin xem ở cái bảng tóm tắt các lỗi văn văn (trang 94) để biết như lỗi văn ấy thì nên xem bài số mấy rồi cứ dờ đến bài số ấy sẽ được như ý.

TỰA

Trong những môn học Quốc-văn ở các trường Pháp Việt, cứ như thiển-ý thì tôi tưởng môn *bài học thuộc lòng* cũng quan-đệ lắm, vừa có ích lợi lại vừa có lý thú nữa, vì nếu các nhà Giáo biết khéo chọn bài, khéo cắt nghĩa, khéo chỉ dẫn thì một *bài học thuộc lòng* có thể vừa dùng làm được một *bài ám-tả*, một *bài tập-đọc*, một *bài học văn* và một *bài luân-lý* nữa.

Một *bài ám-tả* ? Vì khi các nhà Giáo đọc bài cho học trò viết, nên gặp những chữ gì khó thì nên phân biệt cho học trò rõ những tiếng CH và TR ; S và X ; D, GI và R vân vân....

Một *bài tập đọc và học văn* ? Vì khi học trò chép bài xong thì ông Thầy cho họ đọc, nếu họ đọc sai, ông Thầy chữa lại cho đúng, ông Thầy lại nhân tiện cắt nghĩa kỹ càng về nghĩa từng chữ, nghĩa từng tiếng, hỏi về ý-tưởng cùng cách dàn bài và giảng giải qua cho họ nghe thế nào là thơ thất-ngôn, thơ ngũ-ngôn hay thế nào là trường-thiên, là cổ-thể, là phú, là hát-nói, v. v.

Một *bài luân-lý* ? Vì mỗi bài đều có ngụ ý khuyên răn người cả ; các nhà Giáo có thể nhân đấy mà dẫn dụ cho học trò, bảo họ nên theo những gương tốt mà tránh những thói xấu.

Nhưng chọn được một bài như thế có phải là dễ lắm đâu ! Vì còn phải tốn công tìm tòi trong các sách vở, khảo cứu các điển-tích. Nói thế không phải là nói rằng thơ ca của ta biếm-dâu ; không hiếm, nhưng khổn một nỗi phần nhiều bài chỉ có thể dùng để ngâm nga tiêu khiển chứ không dùng làm bài học thuộc lòng được.

Bởi những lẽ đó, nên các bạn đồng nghiệp thường phản nản với chúng tôi về sự chọn bài ấy. Đã năm năm

nay, chúng tôi được cái hân hạnh dạy ở khắp các lớp trường Sơ-Đẳng, ở mỗi lớp, chúng tôi có ra công chọn kỹ càng những bài dùng làm bài học thuộc lòng theo đúng trình độ các học-sinh lớp ấy ; nay nhân các bạn phản nản mới đem xem xét lại, chú giải thêm, cóp nhặt vừa dài, vừa ngắn, vừa khó, vừa dễ, được đủ một trăm bài đem xuất bản để hiến các bạn đồng-nghiệp một cái quà nhỏ mọn nhưng hợp thời này, nhan là « **VĂN-VĂN BÁCH-TUYỂN** ».

Trong cuốn này, chúng tôi sưu tập hết các lối thơ ca nước nhà, lại trích lục đủ các lối văn như văn tả cảnh, tả tình, vịnh sử, vịnh vật, vân vân.. Mỗi bài có chú thích rõ ràng các chữ khó ; câu nào có điển tích đều chưa kỹ càng. Theo sau mỗi bài đều có câu hỏi, hoặc về ý tưởng, hoặc về lối văn. Lại có tiểu-truyện các Tác-giả và địa-vị của các Ngài trong văn giới.

Ở dưới cùng, chúng tôi lại tóm tắt một cách giản dị và rõ ràng những lối văn văn vào một cái bảng riêng để được dễ hiểu.

Cuốn sách này không những chỉ cho các bậc trong Giáo-giới dùng mà thôi, các nam-nữ học-sinh dùng cũng tốt, vì nếu có sách sẵn thì các bậc Giáo-sư đã không cần phải đọc cho mình chép bài, tất có nhiều thời giờ cắt nghĩa cho mình, mà mình thì không những đã được nghe nhiều nhờ chỉ dẫn giảng dạy của Thầy, lại còn có thể (nếu cứ đọc kỹ) phân biệt được những chữ nào phải dùng CH hay TR GI, D hay R vân vân... vì trong sách này chúng tôi đã hết sức tra cứu mà viết những chữ ấy thật đúng.

Chúng tôi soạn cuốn này đã dụng công lắm, nhưng nếu các Độc-giả thấy chỗ nào còn phải sửa lại, xin vì chúng tôi mà chỉ bảo cho thì chúng tôi lấy làm hân hạnh lắm.

Ngày tháng bảy năm Bính-Dần (Aoút 1926)

D. T. Q.

1. — Cha sinh mẹ dưỡng.

Uống nước ta nhớ đến *nguồn*, (1)
Được ăn quả chín nhớ ơn người giồng.
Cha sinh mẹ dưỡng bao công,
Đạo làm con phải biết mong báo đền.

(Ca-dao) A

GIẢI NGHĨA : 1. — Chỗ mạch nước bắt đầu chảy.

Câu hỏi : Bởi đâu mà có nước ta uống ? Có quả chín để ta ăn ? Nếu đã biết vậy thì ta phải như thế nào ? Công cha mẹ đối với mình thế nào ? Mình phải nghĩ làm sao để báo đền cái ơn ấy ? _____

2. — Thờ cha kính mẹ.

Công cha như núi *Thái-Sơn*, (1)
Công mẹ như nước trong *nguồn* chảy ra. (2)
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ *hiếu* (3) mới là *đạo* con. (4)

Trích trong Quốc-Văn giáo-khoa thư.

GIẢI NGHĨA : 1. — Tên một quả núi to ở tỉnh Sơn-Đông bên Tàu người ta thường lấy để ví với cái gì to lớn lắm. 2. — Ý nói nhiều lắm, như nước ở suối, cứ chảy mãi không bao giờ ngừng lại. 3. — Gồm tất cả bổn phận của người con ăn ở với cha mẹ thế nào cho phải như : yêu mến, giúp đỡ cha mẹ, làm cho cha mẹ được vui lòng, vãn vãn... 4. — Bổn phận kẻ làm con.

Câu hỏi : Tại sao người ta lại ví công cha như núi Thái-Sơn và công mẹ như nước trong nguồn chảy ra ? Đạo làm con đối với cha mẹ phải làm thế nào ?

A. — Ca-dao là những bài hát nhỏ, ngắn từ hai câu, bốn câu, dài đến mười lăm hai mươi câu, có giọng điệu tự nhiên, thanh thoát, thật thà và có ý tứ, nhỏ từ trẻ con chăn trâu ngoài đồng, lớn đến bà già ẵm cháu ngồi võng, vừa vừa như trai gái nhà quê, khi gieo mạ, khi tát nước, lúc gánh củi, lúc hái dâu, ứng khẩu mà hát, rồi truyền tụng nhau mà thành ra phổ-thông.

3. — Nghe lời cha mẹ

Giống cây ai cũng vun cây,
Sinh con ai cũng muốn nầy ra người.
Hầu mong⁽¹⁾ mở mắt⁽²⁾ với đời,
Đạo làm con phải nghe lời mẹ cha.

Trích trong cuốn Chắp-trung chân kinh.

GIẢI NGHĨA: 1. — Ước ao được. 2. — Ý nói ở đời cũng được khá giả về vang không chịu kém người.

Câu hỏi: Có ai giống cây mà lại không chăm chút cho cây không? Trong bài này nói cha mẹ sinh con muốn cho con được thế nào? Vậy con cái đối với cha mẹ phải làm sao?

4. — Nhớ ơn

Ngày nào em bé cõn con,
Bây giờ em đã lớn khôn thế này!
Cơm cha, áo mẹ, công thầy,⁽¹⁾
Nghĩ sao cho bổ⁽²⁾ những ngày ước mong.

Á-Nam

GIẢI NGHĨA: 1. — Cơm của cha kiếm ra để nuôi mình, áo của mẹ may cho. — Công thầy dạy dỗ mình. 2. — Không phụ. 3. — Mong cho mình khá lên.

Câu hỏi: Người ta nhớn khôn là nhờ ở ai? Có cần phải nhớ ơn những người ấy không? Vì có gì? Mà phải làm thế nào?

5. — Gọi, dạ ; bảo, vâng

Bảo, vâng ; gọi, dạ, con ơ !
Vâng lời *sau trước* (1) con thời chớ quên.
Công cha nghĩa mẹ *khôn dền*, (2)
Vào thừa ra gửi. (3) mới *nên con người*. (4)
Trích trong Quốc-văn-giáo-khoa-thư.

GIẢI NGHĨA : 1. — Bao giờ cũng vậy ; trước sao sau vậy.
1. — Khó mà bảo đáp hết được. 3 — Trình, hỏi, xin phép — 4.—
thành một người khá.

Câu hỏi ; Mẹ gọi thì con thưa thê nào ? Cha bảo gì thì
con nói làm sao ? Một đứa bé ngoan phải ăn ở thê nào ?
Nếu cứ ăn ở như thế thì sau sẽ nên người khá hay người dở?

6. — Ông bà

Sinh ra ta, ấy là cha mẹ,
Trên cha mẹ lại có ông bà.
Ông bà mình yêu tuổi già,
Ta phải *hầu hạ* vào ra *ân cần*. (1)
Trích trong Học-Báo.

GIẢI NGHĨA : 1. — Chăm nom, săn sóc tử tế.

Câu hỏi : Ai sinh ra cha mẹ ? Thế nào là ông bà nội ?
Ông bà ngoại ? Mình phải ăn ở với ông bà thế nào ?

7. — Tình anh em

Anh em nào phải người xa, (1)
Cùng chung bác (2) mẹ một nhà cùng thân. (3)
Yêu nhau như thể tay chân, (4)
Anh em hòa thuận, hai thân (5) vui vầy.

Trích trong Quốc-văn giáo-khoa-thư

GIẢI NGHĨA: 1. -- Người xa lạ, người ngoài. 2. — Cha. 3. — Thân yêu, thân thiết. 4. — Tay chân cùng ở mình người vì với anh em cùng một cha mẹ đẻ ra. 5. — Hai đấng thân nhất của mình là cha và mẹ.

Câu hỏi: Anh em có phải người xa lạ không? Vì có gì? Vậy anh em phải ăn ở như thế nào? Nếu anh em không biết hòa thuận thì cha mẹ có được vui lòng không?

8. — Kính mến Tổ Tiên

Cây có gốc mới nở cành xanh ngọn,
Nước có nguồn (1) mới bể rộng sông sâu.
Người ta nguồn gốc tự đâu?
Có Tổ Tiên trước rồi sau có mình.

(Ca dao) A

GIẢI NGHĨA: 1. — Chỗ mạch nước bắt đầu chảy.

Câu hỏi: Cây phải cần có gì? Nếu không có gốc thì cành không nở, ngọn không xanh là vì có gì? Bởi đâu có sông và bể? Bởi đâu có mình? Người ta đã có Tổ Tiên thì phải thế nào?

A. — Xem nghĩa ở trang 1..

9. — Thương yêu kẻ tội tở.

Kẻ ăn người ở trong nhà,
Sớm khuya công việc giúp ta nhọc nhằn.
Thương người đầy đoạ chút thân,
Chớ nên ngược đãi (1), lòng nhân mới là, (2).

Trích trong Quốc-văn giáo-khoa thư

GIẢI NGHĨA : 1. — Sử ác nghiệt với ai. 2. — Đáng nhẽ phải nói : mới là lòng nhân ; vì chữ *nhân* phải vần với chữ *thân* nên phải đảo ngược thế. — Lòng nhân là lòng tử tế biết thương người và giúp đỡ người.

Câu hỏi : Sao ta phải thương yêu kẻ tội tở ? Thế nào là người có lòng nhân ? Làm sao kẻ ăn người ở với mình lại cho là người phải đầy đoạ chút thân ?

10. — Họ hàng

Trên ông bà, dưới là cha mẹ.
Có cha mẹ phải có họ hàng.
Ở cho trên kính dưới nhường, (1)
Ai ơi! xin chớ khinh thường (2) bỏ quên...

Trích trong Học-báo

GIẢI NGHĨA : 2. — Nhường nhịn không tranh dành. 2. — Coi làm thường không chú ý đến.

Câu hỏi : Thế nào là họ hàng ? Họ nội là những ai ? Những ai là họ ngoại ? — Bọn phận mình phải ăn ở với họ hàng thế nào ?

11. — Khuyên nên thương yêu nhau

Cùng chung một giống một loài,
Cùng dân một xứ, cùng người một phương ;
Nhiều điều bực lấy giá gương,
Người trong một nước thì thương nhau cùng,

(Ca dao) A

Câu hỏi: Người ta cùng ở với nhau trong một nước có nên yêu nhau không? tại làm sao? Vì có gì ở ông cứ là cùng ở với nhau một nước, kể cùng một loài người thì phải thương nhau? — Thế nào là nhiều điều bực lấy giá gương? Anh cắt nghĩa câu ấy.

12. — Chọn bạn mà chơi

Thói thường : « gần mực thì đen ... » (1)
Anh em bạn hữu phải nên chọn người.
Những người lêu lổng (2) chơi bời,
Cùng là lười biếng, ta thời tránh xa.

Trích trong Quốc-văn giáo-khoa-thư.

GIẢI NGHĨA : 1. — Tục ngữ có câu : « gần mực thì đen, gần đèn thì sáng » nghĩa là mực có sắc đen, đèn có ánh sáng, mình gần mực thì bị vết đen dấy vào, gần đèn thì được sáng ; ý nói : chơi với kẻ dở hóa dở, chơi với người hay thì được hay. 2. — chơi bời không có nghề nghiệp gì .

Câu hỏi : Muốn chơi với ai trước phải thế nào ? Tại làm sao phải kén chọn ? Muốn kén chọn phải nên thế nào ? Tại làm sao mình phải tránh những người dở ?

A — Xem giải nghĩa ở trang 1

13. — Ganh đua

Thua trời một vạn, (1)
Còn hơn thua bạn một ly. (2)
Thua trời chẳng kể làm chi,
Nếu mà thua bạn ắt thì hổ (3) người.
(Ca dao) A

GIẢI NGHĨA : 1. — Vạn là mười nghìn là số đã to lắm. 2. — Ly là một phần mười của một phân là số rất nhỏ. 3. — hổ thẹn thay cho nhà người.

Câu hỏi : Thua Trời nhiều có bằng thua bạn ít không ?
Tại sao thua Trời thì không kể làm gì ? Muốn không thua bạn thì phải làm thế nào ?

14. — Cây sen

Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng.
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.
(Ca dao) A

GIẢI NGHĨA : Cây sen tuy mọc ở chỗ bùn bẩn thỉu mà vẫn giữ được cái sắc đẹp hương thơm, cũng như người có nhiều nét tốt thì dù ở với người không tốt cũng không hư được.

Câu hỏi : Sen thường mọc ở đâu ? Lá nó thế nào ?
Hoa sen có mấy thứ ? Tại sao nó mọc ở bùn mà không hôi tanh ? Cây sen ở bài này ví với ai ? Vì cơ gì ?

A. — Xem giải nghĩa ở trang 1

15. — Hợp Quần.

Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.
Hợp quần (1) lợi biết dường nào,
Nếu mà cô độc (1) mong sao bằng người.

(Ca dao) A

GIẢI NGHĨA: 1—合羣 hợp nhiều người thành bọn, thành đàn
2. — 孤獨 ở một mình.

Câu hỏi: Một cây có thể thành non được không? Hợp-quần lợi như thế nào? Hãy kể một điều làm thí dụ. — Tại sao ở một mình thì không bằng người?

16. — Nên chăm học.

Người ngu (1) học mãi phải khôn,
Đá kia nước chảy cũng mòn nữa ta! (2)
Nay ta nhờ ơn mẹ cha,
Cấp sách đi học ắt là phải chăm.

Trích trong Học-Bảo

GIẢI NGHĨA — 1. — Người dốt nát, ít trí khôn. — 2. — Nước chảy mãi đá cũng phải mòn vì như người học mãi thì ngu cũng thành khôn.

Câu hỏi: Người ngu học mãi có thành khôn được không? Vì cớ gì? Bây giờ mình được đi học thì mình phải thế nào?

A. — Xem giải nghĩa ở trang 1.

17. — Phải chăm học

Nhỏ còn *thơ dại* (1) biết chi,
Lớn rồi đi học, học thì phải *siêng*. (2)
Theo đòi cũng *thề bút nghiên*, (3)
Thua em kém chị cũng nên *hỗ mình*. (4)

Trích trong Quốc-văn giáo-khoa thư.

GIẢI NGHĨA : 1. — Ít tuổi, còn ngây ngô, chưa biết gì. 2. — Chăm chỉ. 3. — Bút để viết ; — nghiên để mài mực; hai chữ bút nghiên ở đây dùng theo nghĩa bóng, chỉ sự học hành, vì ngày xưa học chữ nho phải dùng đến bút lông và nghiên. 4. — Tự lấy làm xấu hổ, lấy làm thẹn.

Câu hỏi : Lúc còn bé dại thì mình *thề* nào ? Lúc mình lớn rồi thì *thề* nào ? Mình được đi học thì phải *thề* nào ? Nếu mình làm *biêng* thì sẽ phải *thế* nào ?

18. — Lười biếng

(Lối thơ thất ngôn tứ tuyệt) A

Gớm gớm ghê ghê cái sự lười,
Làm cho hèn yếu biết bao người !
Tài trai ta phải *siêng* năng học,
Chớ để nghìn sau (1) một tiếng cười. (2)

Định-gia-Hàn

GIẢI NGHĨA : 1. — Nghìn năm sau. 2. — Chê cười.

Câu hỏi : Vì sao người ta bảo lười là sự gớm ghê ? Mình còn đương trai trẻ phải *thế* nào ? Chăm học có được lợi gì không ?

A. — Là lối thơ có 4 câu, mỗi câu có 7 chữ, chữ cuối câu thứ nhất, câu thứ nhì và câu cuối phải vần với nhau (tất cả là 3 vần) — Lối thơ này không cần phải đối, chỉ cốt nói sao cho chuốt một hơi.

19. — Có chí thì nên

Người ta có chí (1) thì nên,
Học hành luyện tập (2) chớ quên lời thầy.
Muốn ăn quả phải giống cây, (3)
Có công mài sắt có ngày nên kim. (4)

(Ca dao) A

GIẢI NGHĨA: 1. — Ra công cố sức mà làm một việc gì, dầu khó khăn cũng không ngại lòng. 2. — Chăm chỉ, ra công ra sức. 3. — Ý nói muốn được nên người khá giả thì phải có chí như muốn có quả ăn thì phải giống cây. 4. — Ý nói: nếu có chí và có công luyện tập thì có thể thành người khá cũng như mình có công mài thử sắt tất có ngày được cái kim.

Câu hỏi: Bài này khuyên ta điều gì? Có chí là thế nào?
Tại làm sao người ta lại cần phải có chí?

20. — Thì giờ

Thì giờ như thể tên bay, (1)
Năm năm, tháng tháng, ngày ngày thoảng qua.
Ai ơi nên phải nghĩ xa, (2)
Dầu vàng ngà ngọc lạng khó mà chuộc mua.

Trích trong Học-Báo.

GIẢI NGHĨA: 1. — Ý nói đi mau như cái tên người ta bắn đi nhanh như bay. 2. — Lo về sau.

Câu hỏi: Thì giờ đi mau như thế nào? Thì giờ đã đi mau như vậy thì mình phải làm thế nào? Tại làm sao?

A. Xem giải nghĩa ở trang 1.

21. — Thi giờ thăm thoát.

(Lối thơ thất ngôn tứ tuyệt) **A**

Thi giờ thăm thoát tựa thoi đưa, (1)

Hết tối sang ngày, sớm lại trưa.

Tắc bóng gang vàng (2) ta cố học,

Đừng e dãi nắng ngại dầu mưa (3)

Đinh-gia-Hàn.

GIẢI NGHĨA : 1. — Đi nhanh như cái thoi đưa đi đưa lại trên khung cửi. 2. — Một tắc bóng giá bằng một gang vàng, ý nói thi giờ quý lắm. 3. — Dãi nắng dầu mưa ý nói đây là sự khó nhọc

Câu hỏi : Thi giờ có đi nhanh chóng lắm không ?
Thi giờ đi nhanh như thế thì ta có nên quý thi giờ không ?
Ta đã biết quý thi giờ thì phải làm thế nào ?

22. — Cách nói năng.

Gọi thì dạ, bảo thì vâng,

Con nhà lễ phép nói năng dịu dàng.

Những câu thơ-lục số-sàng, (1).

Khuyên ai chớ có nói quàng nói xiên (2).

Học-Báo.

GIẢI NGHĨA : 1. — Có thể làm cho người ta giận ngay được.
2. — Bạ đâu nói đấy, không có nghĩa lý gì cả.

Câu hỏi : Khi ai gọi thì phải thế nào ? Lúc ai bảo mình gì thì phải sao ? Nói năng có cần nên dịu dàng không ? Mình phải tránh những gì ?

A . — Xem giải nghĩa ở trang 9

23. — Cách ăn mặc.

Cách ăn mặc không cần đẹp-đẽ,
Qui bờ cho gọn ghẽ dễ coi.

Nếu ta bần thiú lói thôi (1),
Ấy là vô phép với người xung quanh.

Học-Báo

GIẢI NGHĨA : 1. — Không được gọn ghẽ, sỗ sa sỗ sếch.

Câu hỏi : Ăn mặc có cần đẹp-đẽ không ? Nếu không thì phải thế nào ? Ăn mặc bần thiú thì thế nào ? Tại làm sao ?

24. — Chớ cười người.

Cười (1) người chớ vội cười lâu,

Cười người hôm trước, hôm sau người cười.

Ai ơi nên phải nhớ lời,
Ở đời chớ để cho người cười ta.

(Ca dao) A

GIẢI NGHĨA : 1. — Bĩ báng chế nhạo.

Câu hỏi : Tại làm sao mình không nên cười người ? Khi mình thấy người ta lầm lỗi có nên vội cười người ta không ? Nếu thấy người ta có lỗi thì mình phải làm thế nào ?

A. — Xem giải nghĩa ở trang 1

25. — Tham thực cực thân

Chim tham ăn sa vào vòng lưới,
Cá tham mồi mắc phải lưới câu.
Ai ơi nên phải nghĩ sâu,
Những anh *tham thực* (1) ắt *bầu cực thân*. (2)
(Ca dao) ▲

GIẢI NGHĨA: 1.— 貪食 Tham ăn. 2.— 極身 khổ thân.

Câu hỏi: Chim ăn tham thì bị thế nào? Cá tham mồi thì làm sao? Nếu người ta tham ăn thì có việc gì không? Tại làm sao?

26. — Khuyên nên tiết kiệm

Làm người nên biết *tiện tần* (1)
Đồ ăn thức mặc có *ngần* (2) thì thôi.
Những người đói rách giặc giải,
Bởi *phụ* (3) của giời làm chẳng nên ăn.
(Ca dao) ▲

GIẢI NGHĨA: 1.— Chính là tần tiện, nghĩa là ăn tiêu vừa phải đừng nên hoang quá. 2.— Có mực, vừa phải. 3.— hoang-phí không biết tiếc của.

Câu hỏi: Làm người có nên tần tiện không? Có nên bà tiện quá không? Vì có gì? Những người đói rách phần nhiều vì có gì mà thế?

▲. — Xem giải nghĩa ở trang 1

27. — **Cư xử** ⁽¹⁾ **có nhân** ⁽²⁾

Thức lâu mới biết đêm giải,
Ở lâu mới biết rằng người có nhân.
Làm người cư xử có nhân,
Đi đâu cũng gặp được phần bản hoi.

(Ca dao) ▲

GIẢI NGHĨA: 1. — 居處 ăn ở, đối đãi với mọi người. 2. — Tử tế, làm cho ai cũng bằng lòng.

Câu hỏi: Thế nào gọi là người có nhân? Làm người có cần phải ăn ở tử tế không? Nếu cư xử có nhân thì được lợi gì?

28. — **Xét mình**

Lươn ngắn lại chê chạch dài,
Thờn bơn méo miệng chê trai lệch mồm.
Xin ai trước hãy xét mình (1)
Chớ khoe là giỏi vội khinh người hèn (2)

(Ca dao) ▲

GIẢI NGHĨA: 1. — Tự xét xem mình có điều gì dở để sửa đổi đi. 2. — người tài kém học kém.

Câu hỏi: Hai câu đầu ý nói gì? Mình có nên chê ai không? Vì cớ gì? Tại sao lại phải tự xét mình?

▲ — Xem giải nghĩa ở trang 1.

29. — Làm người phải học

Ngọc kia chẳng giữa chẳng mài,
Cũng thành vô dụng, (1) cũng hoài ngọc đi.
Con người ta có khác gì,
Học hành quý giá, (2) ngu si hư đời,
Những anh mít đặc (3) thối thời,
Ai còn mua chuốc (4) đón mời làm chi!

Trích trong Quốc-Văn giáo-khoa thư.

GIẢI NGHĨA : 1. — Không dùng được việc gì. 2. — Được người ta tôn trọng, cũng như cái gì có giá cao như vàng, bạc, ngọc thì ai cũng quý. 3. — Chẳng biết gì cả. 4. — Vờ đến, qui trọng.

Câu hỏi : Ngọc kia không giữa thì thế nào? Người mà có học thì thế nào? Người mà không học thì phải như thế nào?

30. — Bậc quả quyết.

Dù ai nói ngả nói nghiêng, (1)
Thì ta cũng vững như kiềng (2) ba chân.
Dù ai nói đông nói tây, (3)
Thì ta cũng vững như cây giữa rừng.
Đau ta như cây giữa rừng,
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời,

(Ca-dao)

GIẢI NGHĨA : 1. — Nói thế nào để chuyển bưng người ta. 2. — Đồ dùng ở trong bếp làm bằng gang trên đế nổi, có ba chân, vững lắm. 3. — Nói vắn vẹo.

Câu hỏi : Bài này làm ra nhờ ai nói? Người quả quyết tự ví mình như gì? Lại sao lại có thể tự ví như kiềng ba chân và như cây giữa rừng?

31. — Khuyên hiếu đễ.

Cha sinh mẹ *dưỡng*, (1)
Đức Cù-lao (2) lấy lượng nào *đong*. (3)
Thờ cha mẹ ở hết lòng,
Ấy là chữ *hiếu* (4) dạy trong *luân-thường*. (5)
Chữ *đễ* (弟) nghĩa là nhường,
Nuông ăn, nhường chị, lại nhường người trên.
Ghi lòng tạc dạ chớ quên,
Con em phải giữ lấy *nền* (6) con em.

Trích trong Quốc-Văn giáo-khoa thư

GIẢI NGHĨA: 1. — 養 : là nuôi 2. — 斛 勞 : khó nhọc. 3 — nhiều lắm, không thể nào *đong* cho được. 4. — Xem bài *Thờ cha kính mẹ*. ở trang 1. 5. — 倫 常 đạo ăn ở với mọi người; có ngũ luân là 1. tình cha con đối với nhau; 2. tình vợ chồng ở với nhau; 3. tình anh em ở với nhau; 4. tình vua tôi ở với nhau; — 5. tình bè bạn ở với nhau. Lại có ngũ thường là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tin 仁義禮智信 6. — Nghĩa đây là thứ bậc, bậc chính vào địa vị mình.

Câu hỏi: — Mẹ phải khó nhọc với con những gì? Bồn phận làm con phải như thế nào? Tại làm sao? Làm thế nào thì chọn được chữ *hiếu*? Em đối với anh chị thế nào? Thế nào gọi là *đễ*? Sao em lại phải yêu mến anh chị?

32. — Bài ca khuyên con

Con ơi, muốn nên thân người,
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha:
Gái thì giữ việc trong nhà,
Khi vào *canh củi*, (1) khi ra *thêu thùa*;

Giai thì đọc sách ngâm thơ,
Dùi mài (2) kinh sử (3) để chờ kịp khoa (4).

Mai sau nổi được nghiệp nhà,
Trước là đẹp mặt, (5) sau là ấm thân (6)

(Ca dao) A

GIẢI NGHĨA : 1. — Dệt tơ, dệt vải. 2. — Nghĩa đây là chăm chỉ học hành như người thợ cứ dùi mài mãi. 3. — Kinh là ngũ kinh. Xưa ta học chữ Tàu thường phải học năm kinh là: Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân-Thu. 詩書禮樂春秋 Sử là lịch sử; — đây nghĩa là các sách giáo khoa. 4. — Gặp đến khoa thi. 5. — Nghĩa là vẻ vang. 6. — Đủ ăn mặc.

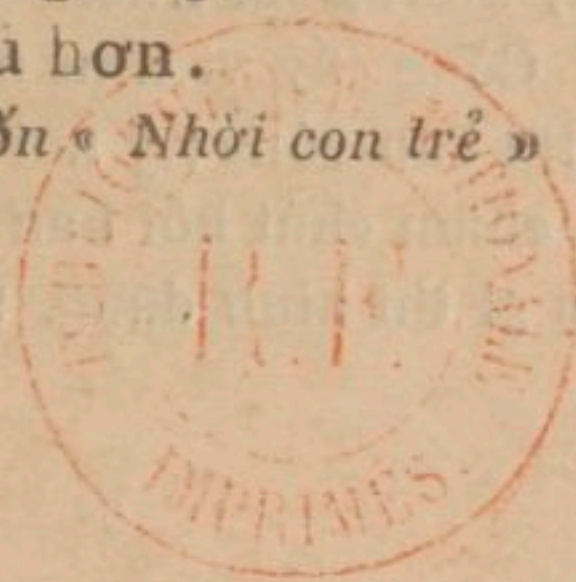
Câu hỏi: — Vì có gì con phải nghe lời cha mẹ? Như bài này, cha mẹ khuyên con gái gì? Khuyên con trai gì? Cha mẹ khuyên con trai thế là có ý mong cho con được thế nào?

33. — Rủ bạn đi học

Trống kia đã đánh « Tùng-tùng ! »
Anh em bạn hỡi ! ta cùng đi thôi !
Ta đi cho chóng đến nơi,
Bến nơi trường học, ta ngồi cho yên ;
Ta ngồi, ta học cho *chuyên* (1),
Học cho nên *giỏi*, (2) nên *hiền* (3) nên *ngoan*,
Học mà ngoan ngoãn giỏi-giang,
Thầy yêu, cha mẹ lại càng yêu hơn.

Trích trong cuốn « Nhời con trẻ »

A — Xem giải nghĩa ở trang 1



GIẢI NGHĨA: 1. — 專: chuyên cần, chăm chỉ. 2. — Giỏi giang hơn người. 3. — Có đức hạnh.

Câu hỏi: Khi trống đã đánh thì học-trò phải thế nào? Đến trường học rồi, phải thế nào? Tại sao phải ngồi cho yên mà học? Học giỏi thì được lợi gì?

34. — Mừng tuổi năm mới

Thưa thầy, thưa mẹ,
Năm mới tới đây,
Tấm lòng hiếu thảo, (1)
Con xin giải bày: (2)
Chúc Cao-đường (3) mọi sự mọi hay;
Hứa làm con mỗi ngày một ngoan. (4)
Nhớ công sinh dưỡng, (5)
Như nước như non, (6)

Thì:

Khi khuya sớm, (7) miếng bùi ngon. (8)
Xin sao cho chọn đạo (9) làm con.

Trích trong Nam-Học niên khóa năm 1918

GIẢI NGHĨA 1. — Xem bài « thờ cha kính mẹ » ở trang 1. — 2. — Giải tỏ, tỏ bày, nói rõ cho ai biết. 3. — 高堂: đây là nói hai cha mẹ. 4. — Không quấy, có nhiều tính nết tốt. 5. — 生養: sinh là đẻ, dưỡng là nuôi — đây chỉ cái công đẻ ra và nuôi nấng. 6. — Công ấy vi như nước, như non; nước ở bề thì mệnh mỏng, non thì cao rộng; ý nói công ấy to lắm. 7. — Ý nói lúc khuya, lúc sớm, chăm chút hỏi han thờ phụng. 8. — Nói: của bùi của ngon, hay vật lạ gì thì kính dâng. 9. — Bồn phận con cái ăn ở với cha mẹ.

Câu hỏi : Nhân năm mới, con chúc cha mẹ thế nào ?
Con hứa ăn ở làm sao ? Con nói làm thế nào cho chọn bốn
phận với cha mẹ ? Anh nghĩ như vậy ~~đ~~ nải chưa ?

35. — Con mừng tuổi cha mẹ

Năm mới vừa tới đây,
Con xin thưa lời này :
Voi, hờn, khóc, quấy,
Phạm những nết ấy.

Con xin *tu tỉnh* (1) bắt đầu từ đây.

Quở (2) phạt, đánh mắng đêm ngày,
Phiền lòng cha mẹ từ nay xin chữa,
Kính tôn, yêu mến, vâng thưa,
Con xin dốc một lòng thờ mẹ cha.

rich trong Học-Báo 1918

GIẢI NGHĨA : 1. — **修省** : tu là sửa, tỉnh là xem xét những tính
nết. — Tu tỉnh là xét để mà sửa lại, không như thế nữa. 2 — Nói
nặng lời không cho làm như thế. — Cũng hơi giống nghĩa chữ
mắng nhưng có ý nhẹ hơn.

Câu hỏi : Nhân dịp năm mới, con xin chữa những nết
gì ? Con hứa với cha mẹ những gì ? Con dốc lòng thờ cha
mẹ thế nào ?

36. — Công mẹ.

Canh khuya *giấc điệp* (1) mở màng,
Kìa ai sẵn sóc bên giường gọi tôi ?
Giấc xuân (2) chợt tỉnh bồi hồi,
Kìa ai bế ẵm ? kìa ai đỡ dành ?
Ấy là công mẹ *sinh thành*. (3)

Ấy là công mẹ *sinh-thành* (3),
Làm con phải nghĩ phận mình làm sao ?
Một mai *tuổi hạc* (4) càng cao,
Tấm lòng báo đáp biết bao cho vừa !
Phải nên *khuya sớm* phụng thờ,
Hiếu (5) này sánh với ơn xưa vẹn tròn.
Ấy là Lỗi phận làm con.

Nguyễn-văn-Ngọc

GIẢI NGHĨA : 1. — Giấc ngủ, tiếng dùng trong thơ phú. Điệp là con bướm bướm. Ông Trang-tử ngày xưa nằm ngủ thấy mơ thành con bướm bướm. 2. — Đây là giấc ngủ ngon. Về mùa xuân, khí hậu mát mẻ, làm việc gì cũng dễ chịu, giấc ngủ này như giấc ngủ về đêm mùa xuân, thú và ngủ được yên lảm. 3. — Để ra và dạy dỗ cho thành người khá, 4. — Hạc là con hạc, con hạc sống được lâu lảm. Tuổi hạc là tuổi cao tuổi già. 5. — Xem bài «thờ cha kính mẹ» ở trang 1.

Câu hỏi : — Mẹ anh săn sóc anh thế nào ? Muốn báo đáp cái ơn ấy thì anh phải làm thế nào ? Bồn phận làm con đối với cha mẹ thế nào ?

37. — Buôn bán phải cho thật thà

Tin nhau buôn bán cùng nhau,
Thiệt hơn, hơn thiệt *trước sau* như nhời. (2)
Hay gì lừa đảo kiếm lời :
Một nhà ăn uống, *tội trời riêng mang*. (3)

Theo chi những thói *gian tham*, (4)
Pha phôi (5) tưng giả tìm *đàng* (6) dối nhau.

Của *phi nghĩa* (7) có giàu *dầu*,
Ở cho ngay *thật*, giàu sau mới *bền*, (8)

(Ca dao) A

GIẢI NGHĨA : 1. — Trước nói với người ta thế nào thì sau cũng phải nói như thế. 2. — Bởi chữ lợi 利 là lờ lãi. 3. — Ý nói : mình phải chịu cái tội lừa đảo dối người ấy với trời. 4. — Gian xảo như pha phách, đong lường hơn kém, cân kẹo nặng nhẹ; tham lam như thêm bớt, v.v... 5. — Lẫn lộn, điên đảo. 6. — Cách, khéo. 7. — 非義 không phải nghĩa; ý nói những của mình lấy sự bất trắc bất lương mà kiếm ra. 8. — Được lâu.

Câu hỏi : — Buôn bán cốt lấy sự gì làm đầu ? Buôn bán phải nên tránh gì ? Thế nào là của phi nghĩa ? Muốn giàu sang được bền lâu thì phải thế nào ?

38. — Chí làm giai

Làm giai quyết chí *tu thân*, (1)
Công danh (2) chớ vội, *nợ nần* (3) chớ lo.
Khi nên *giời* giúp công cho,
Làm giai *năm liệu*, *bầy lo* mới *hào*, (4)
Giời sinh, *giời* chẳng *phụ* (5) nào,
Phong văn (6) gặp *hội anh hào* (7) ra tay.
Trí khôn sắp *đề* (8) *dạ này*,
Có công mài sắt có ngày nên *kim*. (9)

(Ca dao) A

A. — Xem giải nghĩa ở trang 1

GIẢI NGHĨA : 1. — Sửa mình, xét mình xem có thói xấu gì thì đổi đi hết, nết hay thì cố tập lấy. 2. — Công lao gì hay danh tiếng gì với đời. 3. — Ý đây là nói sự vợ con. Ta có câu : vợ con là cái nợ nần. 4. — Ý nói làm giai phải lo lắng mới gọi là người khá được. 5. — Làm mất lòng mong mỏi của mình. 6. — Gió mây nghĩa bóng là dịp tốt có thể nên được. 7. — Người giỏi (anh hùng hào kiệt) 8. — Chứa sẵn để đợi thời. 9. — Xem bài « có chí thì nên » ở trang 10.

Câu hỏi : Bền chí là thế nào ? Tại sao phải bền chí ? Nếu có bền chí thì sau liệu có thể khá được không ?

39. — Yêu ai ?

— Anh đi học để yêu ai ?

— Tôi đi học để yêu người gần xa.....

Gần như chú, bác, mẹ, cha,

Trước là anh chị, sau ra họ hàng.

Sau rồi đến chỗ lân bang (1)

Tôi yêu, yêu hết kẻ sang (2) người hèn. (3)

Bao nhiêu chỗ lạ cùng quen,

Cùng nhau đã có mặt trên hoàn-cầu, (4)

Là tôi yêu chẳng xiết đâu !

Ấy tôi đi học chỉ cầu thế thôi.

Nam-Hương (Nhờ con trẻ)

GIẢI NGHĨA: 1. 鄰邦 lân là láng giềng; bang là bên. — Lân bang là chỉ những người ở bên cạnh nhà mình. 2 Giàu, có nhà cửa đẹp và nhiều kẻ hầu hạ. 3. Kém kẻ khác không bằng ai. 4. — 環球 : hoàn là quanh; cầu là quả cầu, quả đất ta ở. Câu này chỉ tất cả mọi người. 5. — Mong, ước ao được.

Câu hỏi. — Anh đi học để yêu ai ? Những người gần là ai ? Những người xa là ai ? Tại sao anh phải yêu tất cả mọi người ?

40. — Vị tiên

Cha con ăn ái (1) tình trời,
Vị tiên có lẽ hợp đời như không !
Vua tôi vốn sẵn lòng trung, (2)
Vị tiên đèn nổi đôi lòng mất tin !
Anh em vốn ở hòa liên,
Vị tiên đến nổi ruột liên (3) hóa xa !
Vợ chồng hòa hợp thất gia, (4)
Vị tiên đèn nổi hóa ra mất tình !
Bạn bè là nghĩa tử sinh, (5)
Vị tiên keo gấn ra tình lở long. (6)

Trích ở chuyện Đồng tiền

GIẢI NGHĨA : 1. Ăn cần yêu mến. 2. 忠: Trung thành, hết nghĩa vụ, hết bốn phận với nhau, 3. — Anh em một nhà là anh em ruột thịt. Ý nói gấn bó lấy nhau. Ta có câu: Đồng tiền liền khúc ruột. 4.— 家室: vì ghép vần nên hai tiếng dùng lộn ngược. Nghĩa là nhà cửa, nhưng còn dùng để chỉ hai vợ chồng. Ý câu này nói: Vợ chồng ăn ở hết đạo với nhau lắm. 5. 死生 nghĩa là chết sống; ý nói anh em bạn từ lúc sống cho đến lúc chết, vui xướng hay buồn rầu, lúc nào cũng có nhau. 6. — Rời rạc, xa nhau.

Câu hỏi: Trong bài này nói đến những bậc người nào ? Hai chữ ngũ luân của Tâu có phải để chỉ những bậc người ấy không ? Những bậc người ấy có phải chỉ vị tiên mà bỏ cả bốn phận ăn ở với nhau không ? Anh hãy nói mấy việc làm thí dụ.

41. — Dện với Tầm

Dện kia trắng lưới bắt ruồi,
Toấy tầm kéo kén vừa cười vừa chê :
« Chị sao chậm gớm chậm ghê,
« Làm có cái kén *dê-da* (1) hàng ngày.
« Trông em *thoắt-cái* (2) xong ngay,
« Chỉ trong một phút đã đầy mạng trắng ».
Tầm bèn thùng thỉnh đáp rằng :
« Làm nhanh chóng hỏng cũng bằng như không.
« Thà rằng chịu khó lâu công,
« Làm đâu được đó *thong dong* (3) vội gì.
« Vội mà *vô ích* (4) làm chi. »

Trích trong Sơ học độc bản

GIẢI NGHĨA : 1. — Kéo giải ra 2. — Thoắt một cái, ý nói chỉ một chốc lát. 3. — Thong thả. 4. — không ích gì.

Câu hỏi : Dện kia chăng mạng để làm gì ? — Dện thấy tầm kéo kén chê thê nào ? — Tầm đáp lại dện thê nào ?
ai này muốn nói gì ?

42. — Các nghề

Nếu không có kẻ *nông-phu* (1),
Cày bừa vất vả, *nắng mưa* (2) ngoài đồng.
Thời ta có gạo ăn không ?
Hay là chết đói khắp cùng nhân dân ? (3)
Không người thợ mộc, thợ nề,
Lấy ai xây đắp nhà nền cho ta ?
Nên ta không có cửa nhà,
Nhưng khi mưa, nắng đâu mà *trú thân* (4) ?

Không người thợ cửi, thợ may,
Ai quay (5), ai dệt đêm ngày luôn tay ?
Áo quần ta để ai may ?
Hay là đành chịu *phơi-bầy* (6) thê thân?

(Còn nữa)

GIẢI NGHĨA : 1. — Người làm ruộng. 2. — Ý nói chịu nắng, chịu mưa. 3. — Người dân, ý nói tất cả mọi người, 4. — Trú là chợ, thân là người. — trú thân đây nghĩa là ẩn mình để khỏi bị mưa hay nắng. 5. — Gõ sợi bông hay sợi tơ bằng cái guồng. 6. — Ý nói để lữa lờ cho mọi người biết.

Câu hỏi : Nếu không có người làm ruộng thì liệu ta có chết đói không ? Tại làm sao ? Người thợ mộc, người thợ nề làm gì ? Nếu không có người ta thì mình sẽ phải khổ thế nào ? Áo quần ta mặc thì nhờ có ai ? Anh hãy nói cái lịch sử một cái quần vải anh mặc.

43. — Các nghề.

(Bài nối và hết)

Ái đồn không có lính canh,
Làm ăn có chắc được *bình-an* (1) không ?
Hay là trộm giặc tứ tung,
Để nhà cướp bóc sạch không (2) bạc tiền ?
Mỗi người sẵn sóc một nghề,
Có nghề ta mới có bề vẻ vang.
Nghề nào ích lợi dân bang, (3)
Lại càng kính trọng, lại càng mến yêu.
Ở đời người đại thì nhiều,
Còn như nghề đại (4) có điều hiểm hoi.
Ai ơi nghĩ lại mà coi ! . . .

Nam-học niên-khoa (1928)

GIẢI NGHĨA : 1. — Yên lặng, không lo ngại gì. 2. — Hết không còn một tí gì. 3. — Dân, nước. 4. — Nghề đại là nghề không được vẻ vang và có ích cho dân, cho nước.

Câu hỏi : Nếu không có các binh lính canh gác ở ải đồn thì ta phải thế nào ? Tại làm sao ? Xem như thế thì các nghề có ích lợi cho mình lắm không ? Vì có gì nghề nào có ích cho dân cho nước lại càng nên kính trọng ?

44. — Khuyên nên đồng tâm.

(Lối ca lục bát) A

Đã sinh cùng giống cùng nòi,
Cùng trong đất nước là người đồng thân, (1)
Phải xem ruột thịt cho gần,
Phải thương, phải xót, quây quần lấy nhau.
Phúc (2) cùng hưởng, họa (3) cùng đau,
Một gan một ruột ghi sâu chữ đồng. (4)
May ra giờ có chiều lòng,
Đời đời đề giống Lạc-Hồng (5) này cho...

Vô-danh Thị

GIẢI NGHĨA : 1. — Cùng thân nhau. 2. — Sự hạnh phúc, sự sung sướng. 3. — Sự không may, sự rủi ro. — Câu này nghĩa là hễ sung sướng thì cùng nhau hưởng, mà hễ khổ sở thì cùng nhau chia sự đau đớn. 4. [同] Cùng. Đồng đây là đồng tâm, cùng một lòng, một dạ. 5. — Giống nước Việt-Nam ta ; vì là con cháu ông Lạc-Long-Quân về họ Hồng-Bàng là họ làm vua trước nhất ở nước ta.

A — Là lối ca trong một bài cứ lần lượt một câu 6 chữ lại một câu 8 chữ; chữ cuối câu trên phải vần với chữ thứ 6 câu dưới, chữ thứ 8 câu dưới lại vần với chữ cuối câu 6 chữ, rồi cứ theo thế mà tiếp vần mãi. Có một điều nên nhận là phải hiệp bằng vần bằng cả chữ không khi nào hiệp vần trắc.

Câu hỏi: — Bài này khuyên ta gì ? Tại sao người nước ta lại phải quây quần lấy nhau ? Như thế nào gọi là phúc cùng hưởng, họa cùng đau ? Hai câu sau cùng ý nghĩa thế nào ?

45. — **Mấy lời khuyên răn.**

Con thời *hiếu* (1) với mẹ cha,
Em nên ăn ở *thuận hòa* với anh.
Dưới (2) thờ *trên* (3) phải *thuận-tình* (4),
Chớ nên *bội nghịch* (5) cậy mình tài hay.
Học trò một bụng kính thầy.
Nghe câu chỉ giáo, theo bài khuyên răn.
Công người *tạc* (6) dạ ghi ân,
Chớ nên *bội nghĩa* (7) lờn *khân* (8) cùng thầy.
Con *hiếu thảo*, học trò *ngay*, (9)
Ấy là dân tốt, ấy là người ngoan.

Trích trong Nam-Học niên-khoa

GIẢI NGHĨA : 1. — Xem bài « thờ cha kính mẹ » ở trang 1
2. — Người dưới, người kém kẻ khác. 3. — Người trên, người hơn mình. 4. — Vừa lòng nhau. 5. — Trái ý không chịu phục tùng hay vâng lời. 6. — Khắc vào dạ, ý đây nói : lúc nào cũng nhớ ở trong lòng, không bao giờ quên. 7. -- Bội bạc, quên cả ơn. 8. — Nhờn, không phục. 9. — Biết bổn phận mình, làm việc giỏi giang.

Câu hỏi : — Con ăn ở với cha mẹ, em ăn ở với anh thế nào ? Bổn phận người dưới ở với người trên thế nào ? Học trò phải ăn ở với thầy thế nào ?

46. — **Chờ để đến ngày mai**

Một cậu bé chuyện trò cùng mẹ,

Rằng : « đến mai con sẽ xin *ngoan*. (1)

— Đến mai con sẽ xin *ngoan* ?

Đến mai con lại *khất* lần (2) ngày kia,

Con ơi, con chờ hễ nói thề,

Sự hôm nay chờ để ngày mai.

Chi bằng con nói thề này :

Mẹ ơi con muốn *ngoan* ngay bây giờ. »

GIẢI NGHĨA : 1 Nói một đứa bé tử-tế, ăn ở được lòng cả mọi người. 2 — *khất* là xin hoãn lại, bây giờ *khất* đến chốc nữa, chốc nữa lại *khất* lại, cứ luôn như thế mãi. *Học-báo*

Câu hỏi : Một cậu bé nói với mẹ gì ? — Nhắc lại những lời đáp của người mẹ ? — Vậy cốt ý bài này muốn dạy ta gì ?

47. — **Ta sướng hơn người thì phải học**

Như ta có mẹ có cha,

Có anh có chị sướng là bao nhiêu !

Đêm đêm ta ngủ *màn* điều, (1)

Ngày ngày đi học, chiều chiều đi chơi.

Ngoài ta bao kẻ mồ côi :

Không cha không mẹ, không người nào thương.

Ngày đi *vơ vẩn* (2) trên đường,

Đêm thời *gối đất nằm sương* (3) đầu hè,

Mùa đông chẳng có gì che,

Mùa thu đã vậy, mùa hè cũng không.

Nghĩ người thực những đau lòng,
Nghĩ ta, ta đã học thông đâu nào ?

Soạn theo một bài trong cuốn Nhời con trẻ

GIẢI NGHĨA: 1. — Tức là đào; — màn đào là màn ruộm mùi hoa đào. 2. — Lang thang, không định đi đâu hay định đi để làm gì. 3. — Gối xuống đất, nằm ngoài sương.

Câu hỏi: Naïng kể mồ côi khổ sở thế nào ? Vì có gì thế ?
Mình được hơn người những gì ? Mình đã được hơn người
như vậy thì mình phải thế nào ?

48. — Lời khuyên con lúc đi học

Con đi học, đi mau mau,
Chớ nên thờ thần vào đầu chơi đùa.
Thời giờ *thấm thoát* trôi đưa (1),
Nó đi, đi mất, có chớ, chớ ai.
Con ơi, chớ nên *dông dài* (2),
Đừng như con bướm là loài chơi không.
Con ơi, nên phải *gắng công*,
Như con ong mật vốn dòng siêng năng.
Mấy lời dạy dỗ nên *chăng*.
Phải nên *tạc dạ* (3) mà *trừng trị thân* (4).
Mai sau con cũng có *phần* (5).....

Trích trong Học-Báo

GIẢI NGHĨA: 1. — Xem bài số 21. 2. — Chơi bời lêu lổng, tha thần. 3. — Ghi trong lòng. 4. — Ngăn ngừa những vết xấu mà sửa mình. 5. — Phần đây là có phần việc ở trong xã-hội. Có phần là làm nên để được dự một phần ấy.

Câu hỏi : Cha mẹ khuyên con lúc đi học phải thế nào ?
Tại làm sao ? Cha mẹ khuyên con nên bắt chước con vật
nào ? Và không nên bắt chước con vật nào ? Vì có gì ?

Khen Trần-bình-Trọng

(Ngũ ngôn bát cú, lối cổ-thể) ▲

Giới thay *Trần-Bình-Trọng* ! (1)

Dòng dõi *Lê-dại-Hành*. (2)

Đánh giặc *dur* (3) tài mạnh,

Thờ vua một *tiết trịnh*. (4)

Bắc-vương sống mà nhục,

Nam-quỉ thác cũng vinh.

Cứng cỏi nhờ *trung liệt*, (5)

Nghìn thu tỏ *đại danh*. (6)

(Trích lục trong chuyện Hưng-Đạo)

Phan-kế-Bình tiên-sinh soạn

Tiên-sinh người làng Thụy-khuê, huyện Hoàn-Long, lĩnh Hà-Đông đỗ cử-nhân, hán-học, quốc-văn đều giỏi lắm. Tiên-sinh biên tập trong mấy tờ báo xuất hiện trước tiên như Đăng-cổ-tùng-báo, Đông dương tạp chí và Trung Bắc Tân Văn. Tiên-sinh soạn rất nhiều sách như Nam-hải dị nhân liệt chuyện, Việt nam phong tục và Việt hán văn khảo (hai tập này chưa in) lại dịch thuật mấy cuốn như Việt Nam khai quốc chí chuyện, Đại-Nam liệt chuyện và Đại Nam nhất thống chí (đều chưa in cả).

GIẢI NGHĨA : 1.— Là một bức trung-thần nhà Trần, khi quân nhà Nguyên bắt được, cố khuyên đỗ bảo hể đầu hàng thì phong cho làm tước vương nước Tàu. Ông nhất định không chịu, nói : thà rằng làm

A — Là lối thơ cổ trong một bài có 8 câu, mỗi câu có 5 chữ, mà không theo điệu bằng trắc đã định như ở thơ Đường-luật (xem bài số 50 in theo) duy chỉ có vần thôi.

quỉ nước Nam, còn hơn làm vua đất Bắc. 寧爲南鬼不爲北王 2 — Tên là Lê-Hoàn, trước làm chức thập-đạo-tướng-quân nhà Đinh, người có tài giỏi lắm, sau được tôn lên làm vua, chính là vua sáng-nghiệp nhà Tiền-Lê (981 — 1009) 3. — Thừa 4. — Trinh tiết, chỉ nghĩa là một người đàn bà hết lòng với chồng, ở đây ý nghĩa là trung, một người bày tôi hết lòng thờ vua. 5. — Hết lòng với vua, không chịu nhục. 6. — Danh tiếng lừng lẫy.

Câu hỏi. — Ông Trần-bình-Trọng là người thế nào ? Ông ta có một câu nói gì làm vẻ vang cho ông ? Vì có gì câu ấy lại tỏ là câu trung-liệt ?

50. — Khuyên học

(Lối thơ Đường-luật thất ngôn bát cú) A

Đạo học mông mênh sánh bề trời, (1)

Khuyên con hãy gắng (2) chớ nên chơi ;

Thì giờ chưa dễ tiền mua được,

Cơm áo đành rằng đã có nơi.

Sách vở dùi mài công khảo cứu, (3)

Bạn bè chen chơi chớ đua hơi. (4)

Một mai danh giá ai bì kịp,

Rạng mặt non sông tỏ với đời. (5)

Vô-danh thị.

A. — Là lối thơ đặt tự đời nhà Đường bên Tàu ; mỗi bài có tám câu; mỗi câu có bảy chữ, mỗi bài tất phải có 5 vần là những tiếng đồng âm đứng cuối những câu 1, 2, 4, 6, và 8; làm thơ này cần phải có điệu bằng trắc riêng, lại cần phải đối nữa, (câu thứ 3 đối với câu thứ 4 ; câu thứ 5 đối với câu thứ 6.)

GIẢI NGHĨA : 1 -- Ý nói sự học không biết thế nào là cùng, rộng như bể, to như trời. 2. — ra công, ra sức. 3. — Xem xét cho đến nơi đến chốn. 4. — theo đòi những sự vô ích. 5. — Ý nói được về vang, để cho người ta phải kính phục.

Câu hỏi : Vì sao đạo học lại sánh với bể trời được ? — Cha mẹ khuyên con thế nào ? — Sao lại không nên đua hơi các anh em ? — Nếu chịu khó học thì sau này được nên thế nào ?

51. — Làm con phải hiếu

(Lối thơ thủ vĩ ngâm) A

Thờ cha kính mẹ, đạo làm con,
Chữ hiếu (1) khuyên ai giữ vẹn tròn.
Chín chữ cù lao (2) ơn tựa bể,
Ba năm nhũ bộ (3), đức tầy non.
Danh thơm Thuấn (4) Vũ (5) nghìn thu để,
Tiếng xấu Thán (6) Ngô (7) vạn kiếp còn.
Dưỡng dục (8) thâm tình (9) xin hãy nhớ,
Thờ cha kính mẹ, đạo làm con.

Vô-danh Thị

GIẢI NGHĨA: 1. — Xem bài thờ cha kính mẹ ở trang 1. 2. — 劬 勞 khó nhọc. Chín chữ cù-lao lấy ở thơ Lục nga (Kinh Thi) là: 1. sinh 生 đẻ ra; 2. cù: 鞠 cho bú; — 3. phủ 撫 ôm; 4. súc 畜 cho ăn cơm, 5. trưởng 長 mong chóng khôn, 6. cố 顧 coi sóc; 7. phục 復 săn sóc trong khi mình ốm. 8. phúc 覆 bênh vực; 9. dục 育 dạy dỗ 3,—乳 哺 mớm cơm hay cho bú. 4. — Tên Đào, họ Ngụy, nối ngôi vua Nghiêu. Khi vua còn bé, mẹ mất sớm, bị cha là Cổ Tâu, mẹ ghẻ và em cùng bố khác mẹ là Trụông kiểm nhiều cách để hại Ngải,

A. — là lối thơ ngâm đầu đuôi (câu đầu và câu cuối giống nhau).

nhưng Ngài khéo ăn ở nên không những làm cho cha mẹ và em tự
đổi được lỗi mà lại được lòng yêu thương nữa. 6. — Tên là Phát
con vua Văn-Vương bầy-tôi vua Trụ nhà Thương nhưng vì vua Trụ
bạo ngược, Ngài mới đánh lấy nước lên ngôi thiên-tử đặt ra nhà
Chu. Ngài là người có hiếu lắm 7. — Là Thân-sinh, người đời Xuân-
Thu bên Tàu đã giết bố. 8. — Là Ngô-Lương thường gọi là Ngô-bất-
Lương cũng là người về đời Xuân-thu, đã đào hố để chôn sống cha
9. — Nuôi nấng dậy dỗ. 10. — Tình xấu xa, tình mật thiết.

Câu hỏi : Bài này, soạn giả khuyên mình gì ? Tại sao
mình lại phải cần có hiếu với cha mẹ ? Mình hiếu với cha
mẹ đã hay là bỏn phận của mình song nếu mình có hiếu
thì được thế nào nữa ? Những vua nào đã tỏ ra là người có
hiếu ? Những hạng nào là hạng bất hiếu ?

52. — Khuyên hiếu.

Trăm nết người ta *hiếu* (1) ở đầu,
Đạo làm giai, gái, đạo làm dâu.
Ngọt bùi phải nghĩ đến ơn trước,
Thờ tự nên lo báo nghĩa sau.
Mầm trúc *Mạnh-Tôn* (2) còn tốt mãi,
Lọ vàng *Quách-Cự* (3) vẫn bền lâu.
Khuyên người nên phải đem lòng lại,
Chín chữ cù lao (4) tựa bể sâu.

Trích trong Chắp-Trung chân-kinh

GIẢI NGHĨA : 1. — Xem bài số 2. 2. — Ông Mạnh-Tôn xưa có cha
mẹ già muốn ăn mầm trúc (tức là măng) nhưng không có nên bất
đắc dĩ ông sợ thất hiếu mà khóc thì tự nhiên măng mọc lên. 3. —
Hai vợ chồng người Quách-Cự vì nghèo quá, đem con đi chôn để
cho cha mẹ có đủ miếng ăn, ai ngờ lúc đào đất lên thấy có lọ
vàng ở đấy. 4. — Xem bài trên.

Câu hỏi : Trong bài nói cái bồn phân thứ nhất của con người ta là gì ? Báo hiệu cho cha mẹ phải nên thế nào ? Hai tích Mạnh-Tôn và Quách-Cự thế nào ? Cái ơn chịu của cha mẹ ví như gì ? Tại sao ?

53. — Răn không nên chơi cờ bạc.

Giai tập *thi thư*, (1) gái vá may,
Những nơi cờ bạc chớ nên say.
Ăn người không bỏ người ăn lại,
Dở (2) bạc rồi ra bạc dở (3) ngay.
Giàu có mê vào, lo chết xác,
Khó khăn mắc phải, đói nhẵn thầy.
Hại người hại của ó (3) danh-giá,
Cay cú làm chi đến nổi rầy.

Trích trong Chắp-trung chân-kinh

GIẢI NGHĨA : 1. — Thơ và sách. — Tập thi thư ý nói học hành.
2. — Dở đây là dáo dở. — Câu này ý nói : mình định lấy tiền bạc mà dáo dở (lừa) người, thì rồi nó cũng dáo dở (lừa) mình làm cho mình đương được hóa thua. 3. — Xấu, mất tiếng.

Câu hỏi : Con giai hay con gái phải thế nào ? — Có nên say đắm vào đám cờ bạc không ? Lại làm sao ? Nếu người giàu mê vào thì hại thế nào ? Nếu người nghèo mắc phải thì khổ như thế nào ?

54. — Răn không nên khí khái.

Ờ đời chữ *nhân* (1) đó ai ôi !

Nlẫn một câu kia được chín rồi. (2)

Tranh khi ai khen người hách (3) của.
Cậy tài vẫn ghét kẻ thi hơi (4).
Hung hăng đến nổi lạnh nên dữ,
Nhũn nhặn rồi ra khốc hóa cười.
Hễ biết tới lui, khôn khỏe đấy, (5)
Chẳng qua nhẽ phải chẳng qua nhờ. (6)

Trích trong Ấu-học từng-đàn của cụ Lương-Ôn-Như

GIẢI NGHĨA : 1. — Nhẫn nại, chịu nhịn, không găng với ai. 2. — Có câu : một câu nhịn, chín câu lành. 3. — Cậy có mà kiêu. 4. — thi hơi sức với mình, cùng mình ganh đua. 5. — Câu này ý nói : hễ mình biết khéo lựa nhờ mà tùy từng lúc, đáng nên số thì số, đáng nên nhẫn thì nhẫn, thì tức là mình khôn hay khỏe hơn người ta đó. 6. — Có câu: khôn chẳng qua nhẽ, khỏe chẳng qua nhờ.

Câu hỏi : Thế nào là nhẫn? Ở đời tại sao phải nhẫn? Nếu mình nhẫn thì được lợi gì? Những người không biết điều cứ khí khái sẵn thì có hại gì không?

55. — Tốt danh hơn lành áo

Hơn nhau phẩm giá cứ chi lành,
Lành áo sao bằng kẻ tốt danh.
Lừng lẫy tiếng thơm nên vẻ quý,
Trang hoàng bộ cánh tỏ người khinh.
Cơ cầu (1) giữ lấy màu trong trắng,
Cầm tú (2) đừng khoe sắc đỏ xanh.
Có miếng (3) hăn không bằng có tiếng,
Rẻ-cùi (4) đẹp mã kém vàng-anh.

Phạm-quang-Sán

GIẢI NGHĨA: 1 — Lúc khổ sở, nghèo đói. 2. — Gấm vóc. 3. — Chính là miếng ăn; nghĩa rộng là tiền bạc. 4. — Loài chim có bộ lông rất đẹp nhưng không hót hay bằng chim vàng-anh.

Câu hỏi. — Người ta sở dĩ hơn nhau về cái gì? Có phải về tiền bạc không? Tại làm sao? Những người chỉ thích ăn mặc cho đẹp mà không biết gì thì bị người ta khinh hay quý? Giải nghĩa câu: tốt danh hơn lành áo.

36. — Mấy lời khuyên đàn bà con gái

*Thiện ác (1) kia gương đã sẵn rồi,
Đừng cay nghiệt lắm, chị em ôi!
Nói năng phải nhớ câu hòa thuận,
Ăn ở nên theo lối hân hoi.*

*Những tiếng thị-phi (2) cơn gió thoảng, (3)
Một niềm chung thủy (4) bóng giăng soi. (5)
Ở hiền ắt hẳn giờ không phụ, (6)
Chẳng trước thì sau cũng có hồi (7)*

Trích trong Chắp-trung Chân-kính

GIẢI NGHĨA: 1. — Điều lành và điều không lành. 2. — Điều phải, điều trái. 3. — Coi như không vào đâu, không lấy làm quan hệ, như cơn gió chỉ thoảng qua thôi. 4. — Sau trước. 5. — Ý nói trước sau như một, mặt giăng thế nào, nước chiếu bóng lại cũng như thế. 6. — Xem ở bài số 38.

Câu hỏi: Bài này khuyên nên làm điều gì? Nói năng cần phải thế nào? Ăn ở nên phải thế nào? Ở hiền thì được lợi những gì? Câu «ở hiền gặp lành» ý nói thế nào?

57. — Ở đời.

Đã trót sinh ra đứng cõi đời,
Ở đời phải nghĩ, hỡi ai ơi !
Sao cho đáng mặt giới chung đức, (1)
Mà khỏi hoài công đất dưỡng nuôi, (2)
Nêu muốn thi gan cùng Tào-vật, (3)
Phải liều胆 mặt với trần-ai. (4)
Rồi ra hạnh-phúc (5) dành riêng đó.
Ấy chính trời kia vườn thử người. (6)

Vô-danh thị

GIẢI NGHĨA. 1.— Hợp khí thiêng liêng mà sinh ra mình. 2—Đất nuôi người vì người ta giống lúa và các thứ cây cối ở đất rồi mới có những các cái để mình ăn mà sống. 3. — Sinh ra các giống vật. — Hai chữ này chỉ giới sinh ra người ta. 4 — Bụi trần vì với những sự khó nhọc. 5. — Cái phúc, sự sung sướng. 6. — Bầy ra để xem mình có phải là người cả quyết, chịu được sự khó khăn không ?

Câu hỏi : Tại sao ở đời lại phải nghĩ và nghĩ thế nào ?
Thế nào gọi là thi gan cùng Tào-vật và dạn mặt với trần-ai ?
Hễ mình có chí và chịu khó thì sau được gì ? Tại làm sao ?
Đại ý bài này thế nào ?

58. — Tình bè bạn

Anh em cùng học một trường,
Cùng thầy chỉ lối đưa đường cho đi.
Như anh em ruột khác gì ;
Thông minh chớ có thi-kỳ (1) ta đây,

Khuyên điều ích, bảo điều hay,
Giàu sang vì bạn, xưa nay cũng nhiều.
Những phường phản-trắc (2) ai yêu,
Lòng tin nên phải lấy điều làm răn,
Bạn bè nghĩa trọng tình thân,
Lưu, Dương (3) muôn thừa chuyện gần không xa.
Nguyễn-hữu-Tri

GIẢI NGHĨA 1. — Cay lạ, ý nói cay mình là người tài giỏi khác thường. 2. — Đảo-diên, đảo-dở, không được thực thà. 3. — Tức là Lưu-Bình và Dương-Lễ là hai người chơi với nhau rất tốt, thường lấy để làm gương cho cái tình bè bạn.

Câu hỏi: Anh em cùng học một trường phải ăn ở với nhau như thế nào? Vì cớ gì vậy? Tại sao ta không nên cay giỏi hơn người? Anh có biết chuyện Lưu-Bình và Dương-Lễ không? Anh hãy kể ra.

59. — Qua Đèo-Ngang tức cảnh

(Thề ngẫu vịnh, lối tả cảnh) A

Bước tới Đèo-Ngang (1) bóng sể tà, (2)
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa. (3)
Lom khom dưới núi tiều (4) vài chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc, (5)
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia. (6)

A. — Là thể thơ đặt trong khi ngẫu hứng cốt để tả cảnh, nhưng có ngụ ý tứ mình một chút.]

Dừng chân đứng lại giới, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta. (7)

Bà huyện Thanh-Quan.

Tình danh phu-nhân là gì, không rõ, chỉ biết phu-nhân là người làng Nghi-tàm, huyện Hoàn-long, tỉnh Hà-dông bây giờ, lấy ông Lữ-Nghi người làng Nguyệt-Áng, huyện Thanh-trì (cũng tỉnh ấy) đỗ cử-nhân đời Minh-Mệnh làm đến tri-huyện nên gọi là bà huyện; sau phu-nhân vào làm Cung-trung giáo-tập; vua Tự-Đức có ban thơ chữ và thơ nôm, phu-nhân đều họa được, vua quý trọng lắm. Còn truyền lại nhiều thơ nôm của phu-nhân rất hay.

GIẢI NGHĨA : 1. — Thuộc về rặng núi Hoành-sơn chạy thẳng ra bể làm giới hạn cho hai tỉnh Hà-tĩnh và Quảng-bình, và chặn ngang đường thiên-lý tự Bắc vào Nam. Xưa kia, khách bộ hành đi đến đây tất phải trèo qua đèo ấy. 2. — Bóng mặt trời về buổi chiều. 3. — Nên nhận âm điệu câu thơ này: hai chữ *chen* lấy đi lấy lại với hai chữ *đá lá* đồng âm với nhau làm cho thanh hưởng câu thơ rất êm dềm réo rắt. 4. — Người kiếm củi. 5. — Vừa nghĩa là nước, vừa là tên một giống chim; đây ý nghĩa là nghe tiếng quốc kêu mà sinh lòng nhớ nước. 6. — Vừa nghĩa là nhà, vừa là tên một giống chim; đây ý nghĩa là nghe tiếng con gia kêu mà sinh lòng nhớ nhà. 7. — Hai câu cuối ý nói: Đứng giữa cảnh vừa giới, vừa nước, vừa non mà thui thủi một thân không ai trò chuyện nỗi lòng chan chứa, một mình mình biết, một mình mình hay.

Nên nhận: xuất trong bài này không phải dùng một điển tích nào hay một chữ nho nào.

Câu hỏi. Phong cảnh ở Đèo-Ngang có thâm đạm lắm không? Vì cớ gì? Cảnh tượng ở chốn ấy thế nào?

Đứng trước cảnh tượng ấy thì mối cảm tình của tác-giả thế nào? Câu kết ý nói thế nào?

60. — Giời hôm nhớ nhà

(Thơ Đường-luật làm theo thể bằng (A))

Chiều giời bằng lảng bóng hoàng-hôn, (1)

Tiếng ốc (2) xa đưa lẫn trống đồn.

Gác mái (3) ngư-ông (4) về viễn-phố, (5)

Gõ sừng (6) mục-tử (7) lại có thôn, (8)

Ngàn (9) mai gió cuốn chim bay mỗi,

Dặm liễu sương sa khách bước rồn,

Kẻ chốn chương-đài (10) người lữ-thứ, (11)

Lấy ai mà kể nỗi hàn-ôn ! (12).....

(Bà huyện Thanh-Quan.) B

GIẢI NGHĨA: 1. — Lúc trời sâm sâm tối, ánh sáng mặt trời đã úa vàng. 2. — Tù và. 3. — Mái chèo. 4. — Ông lão câu cá. 5. — Bến đàng xa. 6. — Gõ sừng trâu hát. 7. — Kẻ chăn trâu. 8. — Xóm hẻo lánh. 9. — Bụi, dấy. 10. — Điện cũ : xưa có một người đi vắng xa, gửi thơ về thăm tình-nhân rằng : cái cây liễu Chương-Đài xanh xanh ngày nay có còn không ? 11. — Người phải đi xa nhà. 12. — Lạnh ấm ; nghĩa bóng là kể cảnh huống gần ngày cho nhau nghe.

Câu hỏi : Bài thơ này tả cảnh gì ? Những câu nào tả được cảnh ấy ? Bài này có gợi cho ta cái cảm tình gì không ? Cũ xem câu kết thì tâm sự của tác-giả ra sao ?

A. — Thơ Đường-luật (Xem bài số 50) làm theo luật bằng thì những chữ thứ hai ở trong 8 câu phải lần lượt theo vần như thế này : bằng, trắc, trắc, bằng, bằng, trắc, trắc, bằng. Nếu làm theo luật trắc thì những chữ thứ hai ấy phải lần lượt theo vần trái lại như bài số 59.

B. -- Xem tiểu-chuyện ở bài trên.

61. — Thành Thăng-Long (1)

(Thề hoài-cổ) A

Tạo hóa gây chi cuộc *hi-trường*, (2)

Đền nay thắm thoát mấy *linh sương*? (3)

Lối xưa xe ngựa hồn *thu thảo*, (4)

Ngõ cũ lâu đài bóng *tịch dương* (5)

Đá vuôn tro gan cùng *tuế nguyệt*, (6)

Nước còn chau mặt với *tang thương*. (7)

Ngàn năm gương cũ soi kim cổ,

Cảnh đây người đây luống *đoạn trường*! (8)

(Bà Huyện Thanh-Quan) B

Đại ý: Đây là cảm khái thời vận biến đi, trông thấy phong cảnh ngày nay mà nhớ đến phong cảnh khi xưa, những lối xe ngựa ngày xưa đã lấp mất cả, chỉ còn hồn cỏ mùa thu xơ xác thôi; lâu đài ngõ cũ thì chỉ còn bóng mặt trời chiều soi rọi mà thôi, cho nên càng thấy cảnh lại càng buồn...

GIẢI NGHĨA: 1. — 昇龍: Tên thành Hà-nội ngày trước. Nhà Lê bắt đầu đóng đô ở đó, nhân có điềm con rồng hiện (long là rồng; thăng là bay lên) nên mới gọi tên thế. 2. — 戲場: rạp tuồng. — Đây nói bóng là cuộc đời vì ở cuộc đời này thường cứ biến đổi luôn chẳng khác gì những vai trò và cảnh tượng diễn ở rạp tuồng. 3. — *linh* là sao, *sương* là sương mù. — Câu này nói trải bao nhiêu lần sao mọc sương sa; ý nói trải bao nhiêu ngày, tháng, năm. 4. — Cỏ về mùa thu, thường xơ xác vàng úa. — 5. 夕陽: bóng mặt trời buổi chiều. — Hai câu thứ ba thứ tư ý nói: xưa là lối xe ngựa mà nay chỉ có cỏ thu; xưa là lâu đài mà nay chỉ có bóng mặt trời buổi

A. — Thề này có khi gọi là thuật hoài là thề thơ làm trong khi thấy cảnh cũ mà tranh nghĩ đến sự trước rồi tự nhiên xúc cảnh sinh tình mà tả ra cái ý bàng khuâng lai láng.

B. — Xem tiểu chuyện ở bài số 59.

chiều. 6. — Năm tháng. — Câu này ý nói đá vườn tro tro trái mấy năm mấy tháng mà cứ bền gan mãi. 7. — 桑滄 : bề dâu; bãi bề biến thành ruộng dâu; ý câu này nói nước gòn gợn như chau mặt về nỗi sự đời thay đổi. 8. — Đau lòng; trường chính nghĩa là ruột.

Câu hỏi : Hai câu lầu tác-giả có ý than thở vì nỗi gì ? Tác-giả lấy những cảnh gì để chứng cuộc tang-thương ? Xe ngựa đây tả cảnh tượng gì ? Lâu đài đây là nói những lâu đài nào ? Trông cảnh tượng thành Thăng-Long, tác-giả tự tưởng cảm súc thế nào ?

62. — Ông Tiến-sĩ giấy

(Thề vịnh vật) A

Cũng cờ, cũng biển cũng *cân-đai*, (1)

Cũng gọi ông Nghè có kém ai!

Mảnh giấy làm nên thân *Giáp-bảng*, (2)

Nét son điểm rõ mặt *văn-khôi*. (3)

Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ?

Cái giá *khoa danh* (4) ấy mấy *hời* ! (5)

Ghế chéo lưng xanh ngồi *bảnh chọe*, (6)

Nghĩ rằng đồ thực hóa đồ chơi!

Vô-danh thị

GIẢI NGHĨA : 1. — Cân là khăn, mũ ; đai là giải, dây lưng, hai chữ này thường dùng để chỉ áo mũ riêng của những người có phẩm tước như các quan Đại-thần. 2. — Là bảng Tiến-sĩ, trên bảng Ất thi viết những người đỗ phó-bảng. — Câu này ý nói : làm nên thân ông Tiến-sĩ mà chỉ cần có mấy mảnh giấy phết hồ. 3. — Đỗ đầu hàng văn, ý nói văn chương giỏi nhất. — Câu này ý nói : mặt ông tiến-sĩ

A. -- Là vịnh tả các đồ đạc, cây cối, cầm thú, cốt lấy con mắt sành sỏi mà xem để vẽ ra như thực, nhưng ý tứ phải cho thanh cao, khẩu khí đừng có thô tục.

sở dĩ trông có vẻ giỏi nhất là vì lấy son tô nên. 4. — khoa là kỳ thi, danh là tiếng; — khoa danh: cái tiếng được là người thi đỗ. 5. — nhẹ, không có gì, không đáng kể. 6. — Ra dáng hách dịch.

Câu hỏi : Trong ngày tết Trung-Tau, trẻ con thường thích chơi thứ gì ? Ông Tiên-sĩ giầy ở bài này hình dung ra thế nào ? Tác-giả ý muốn chê ai ở trong bài này ? Câu kết có ngụ ý gì ?

68. — Người bồ-nhìn

Quyền trọng ra uy lừng cõi bờ,
Vốn lòng vì chúa, há vì *dưa* (1) ? !
Xét soi trước mặt *đôi vầng ngọc*, (2)
Vùng vẫy trên tay một lá cờ.
Đẹp giống muông chim xa phải lĩnh, (3)
Rẻ quân cây quốc gọi không thừa; (4)
Mặc ai chen chúc đường danh lợi,
Ơn nước đầm đìa *hạt móc mưa*. (5)

Lê-thánh-Tôn

Ngài là ông vua rất giỏi: trong lúc Ngài trị vì từ năm 1460 đến năm 1497, không những Ngài sửa sang việc chính trị. Ngài lại còn lưu tâm đến việc văn học lắm — Ngài có họp 28 người văn-thân thành một hội văn-học gọi là Tao-đàn nhị thập bát tú 騷壇二十八宿 Ngài lại tự đặt 9 bài thơ để lựa vào khúc hát gọi là Quỳnh-uyển cửu-ca 瓊苑九歌 Ngài cũng ngâm vịnh nhiều thơ nôm lắm.

GIẢI NGHĨA: Bài này tuy là thơ người bồ-nhìn mà làm ra khâu khi một ông quan võ, đồng trấn một phương. 1. — Ta có câu: bồ-nhìn giữ dưa. 2. — Hai vùng mặt trời mặt trăng. — Làm người bồ-nhìn đứng giữa cánh đồng thì lúc nào cũng có mặt trời hoặc mặt trăng soi vào. 3. — Nghĩa bóng là: giặc cướp trộm: thấy bóng phải sợ. — 4. Rẻ: khinh rẻ. — Câu này ý nói khinh rẻ quân cày quốc nên họ gọi mà không thêm thừa, thêm đáp. — Nghĩa bóng là: với kẻ tiểu nhân thì chỉ lấy nét mặt nghiêm mà đối lại, chứ không làm điều gì ác nghiệt. 5. — Người bồ-nhìn đứng giữa đồng thì chỉ có hạt móc hạt mưa thấm thía vào. Móc mưa là tiếng thường dùng để chỉ những ơn của vua ban cho.

Câu hỏi: Bài này có phải chỉ tả người bồ-nhìn thực không? Có ngụ ý gì không? Hai câu cuối ý nói thế nào? Đường danh lợi là đường gì?

64. — Trách hè

(Thề ngẫu vịnh. — Lối tả tình) A

Cũng thì đất chỗ cũng giới che, (1)
Nồng nã làm chi mấy hồi hè?
Khắc khoải đã đau lòng cái quốc, (2)
Bán khoán thêm tức cật (3) con ve (4)
Người ngồi trướng gấm (5) mờ-hôi chã,
Kẻ hái rau tần nước bọt se. (6)
Nào khúc Nam-Huân (7) sao biếng gầy,
Chẳng thương bồ liễu (8) phận le-te. (9)

(Thơ cổ)

GIẢI NGHĨA. — 1. Ta hay nói: giới che đất chỗ. — Câu này nghĩa là, cũng cùng một giới đất. 2. — Con quốc thường hay kêu trong mùa hè, nó kêu ra rả suốt ngày suốt đêm. Ta thường nói: quốc kêu mùa hè. 3. — Bụng. 4. — con ve sầu cũng hay kêu mùa hè. 5. — Màn may bằng gấm; đây chỉ nhà giàu có.

A — Cũng là thể thơ đặt trong khi ngẫu hứng nhưag cốt tả tình hơn

6. — Khô ráo, vì nóng quá. 7 — 南薰 Là khúc đàn cầm của vua Ngu-Thuấn; đương khi mùa hè nồng nực. Ngài gảy đàn cầm mà hát khúc thơ Nam-phong rằng: « gió phương Nam kia nồng có thể giải được bụng giận dân ta; gió phương Nam kia thuận có thể thêm được của cho dân ta ». 8. — Là cây bồ, cây liễu; hai thứ cây yếu ớt dễ vì người con gái. 9. — Phận thấp kém.

Câu hỏi: Tác-giả trách mùa hè, ngụ ý phận nài như thế nào? Trong bài này, những tiếng nào tả được sự nồng nực? Hai câu kết ý nói thế nào?

65. — Vịnh Triệu-Âu.

(Thề vịnh sử) A

Khí thiêng *Lô-Tản* (1) đúc nên người,
Chẳng những trai hay, gái cũng tài.
Vùng vẫy non sông ba thước vú, (2)
Xông pha tên đạn một đầu voi. (3)
Thắng Ngô gan *thỏ* (4) kinh gần rặng,
Cửa tướng *con giòng* (5) địch chẳng sai.
Thua được sự thường chi xá kẻ,
Nữ-nhi ái quốc (6) tiêng muôn đời.

Dương-bá-Trạc

GIẢI NGHĨA: 1. — Là sông Lô chảy qua Tuyên-Quang và núi Tản-Viên ở Sơn-Tây. 2. — Sử chép rằng vú bà giải 3 thước. 3. — Bà thường cưỡi voi ra đánh trận. 4. — giống thỏ rất lắm. 5. — vì bà là em ông Triệu-quốc-Đạt bấy giờ cũng khởi nghĩa đánh quân Ngô. 6. — yêu nước.

Câu hỏi: Bà Triệu-Âu người ở đâu? Bà đánh giặc nào? Trận ấy tuy thua nhưng bà bị nhục hay được vẻ vang? Vì có gì? Cứ xem bài này thì soạn-giả vịnh bà thế nào?

A. — Thề này là lấy việc trong lịch-sử, hoặc cả một thời-đại, hoặc riêng một người nào (như bài này) mà tả ra rồi bàn bạc, lại ngụ ý khen hay chê, cốt để khích khuyến người sau.

66. — **Đối với thầy**

Cha mẹ công đức *sinh thành*, (1)
Ra trường thầy dạy học hành cho hay.
Muốn khôn thời phải có thầy,
Không thầy dạy dỗ, đổ mầy làm nên.
Mười năm luyện tập sách đèn,
Công-danh gặp bước (2) chớ quên ơn thầy.
Yêu kính thầy mới làm thầy,
Những phường bội bạc sau này ra chi ?
Thờ thầy xưa có *Nhạc-Phi*, (3)
Làm nên *danh tướng*, (4) quản chi lễ thường.
Ngày rằm, mừng một nén hương,
Muôn thu chuyện cũ làm gương soi cùng.

Nguyễn-hữu-Tri

GIẢI NGHĨA: 1. — Xem ở bài số 35. 2. — Gặp lúc mình thành người khá giả vẻ vang, có công với nước, có tiếng với dân. 3. — Nhạc-Phi là người nhà Tống bên Tàu. Xưa có ông thầy dạy bắn cung nỏ đến lúc làm tướng thì thầy đã mất nên cứ đến ngày rằm và ngày mừng một thì đem bày cung nỏ ra cúng thầy. 4. — Ông tướng có danh tiếng.

Câu hỏi: Cha mẹ có công gì với mình ? Thầy có công gì ? Tại sao muốn khôn lại cần phải có thầy ? Bởi phần mình ăn ở với thầy thế nào ? Ông Nhạc-Phi ngày xưa thờ thầy thế nào ?

67. — Khuyên đàn bà con gái
nên giữ trinh tiết

Đẹp người, chẳng đẹp nét na,
Dễ mà ai trọng, dễ mà ai khen.

Cho hay chẳng cứ sang hèn,
Hễ mà *trinh-tiết* (1) mới nên thân người.

Dẫu rằng *vật đổi sao dời*, (2)
Đừng lòng *tiết ngọc*, chớ *dời lòng son* ;

Trăm năm đã tính *vuông tròn*, (3)
Phải nên *tòng nhất*, (4) chớ toan hai lòng.

Chẳng may *chiếc bách giữ'a dòng*, (5)
Chẳng may *nhỡ bước long đong* quê người ;

Cũng đừng *cải tiết* (6) như ai,
Trơ trơ luống *đề miệng đời* làm bia.

Thi-Nham

GIẢI NGHĨA: 1. — Đức tốt của người con gái giữ tấm thân được trong sạch. 2. — Ý nói: có sự thay đổi vì thời hay vì thế. 3. — Câu này ý nói: đã lấy ai làm chồng. 4. 從 — : theo một, nghĩa là đã kết duyên với ai thì cứ một lòng một dạ với người ta, không được thay lòng, dù người ta có thế nào chẳng nữa cũng vậy. 5. — chiếc bách là chiếc thuyền làm bằng gỗ bách; câu này ý nói thân người đàn-bà chồng đã chết rồi cũng như chiếc thuyền ở giữa dòng sông, không biết đi vào ngả nào, cứ lênh đênh trên mặt nước. 6. — Đổi lòng *trinh tiết*.

Câu hỏi: Thế nào gọi là *trinh tiết*? Đức *trinh tiết* có quan hệ cho người đàn-bà và con gái lắm không? Vì có gì? Người đàn-bà không *trinh tiết* thì bị như thế nào? Tại sao?

68. — Bốn phận con gái khi còn ở nhà

Phận con gái ở cùng cha mẹ,
Lòng phải chăm học khéo học khôn ;
 Một mai xuất giá (1) hồi môn, (2)
Phận bồ liễu (3) giá trong như ngọc.
Khéo là khéo bánh chong bánh lọc,
Lại ngoan nghề dệt vóc may mền.
Khôn là khôn lẽ phải đường tin,
Lại trọn đạo nâng khăn sửa túi. (4)
Khôn chẳng tưởng mưu lừa chước dối ;
Khéo chẳng khoe vẻ lịch chiều trai.
 Xưa nay hầu dễ mấy người,
Miệng khôn tay khéo cho ai được nhờ.

Trích trong Gia-huấn-ca, Nguyễn-Trãi soạn.

Ngài người làng Nhị-Khê, huyện Thượng-Phúc, tỉnh Hà-Đông bây giờ, đỗ Tiến-sĩ thời nhà Hồ, sau ra giúp vua Lê-Lợi khởi nghĩa ; khi vua Lê-Lợi lên ngôi thì ngài làm đến chức Hành-Khiển. Ngài không những là một bậc danh thần mà lại là một nhà văn học có tiếng nữa, chính ngài soạn quyển An-Nam Vũ-Công nói về Địa-Dư nước Nam, bài Bình-ngô-đại-cáo là một bài bá cáo sau khi thắng quân nhà Minh bài Gia-huấn-ca và một tập văn thơ.

GIẢI NGHĨA : 1. — Đi lấy chồng. 2. — Về nhà chồng. 3. — Xem ở bài số 64, 4. — Là bốn phận mình ăn ở với chồng.

Câu hỏi : Ở trong bài này, soạn giả dạy con gái lúc còn ở nhà phải học gì ? Để làm gì ? Học khéo là thế nào ? Như thế nào ? Học khôn là thế nào ? Như thế nào ? Hai câu cuối cùng ý nói gì ?

Nên nhận. Trong đoạn văn này, mỗi câu đều có 7 chữ, thỉnh thoảng mới sen câu 6 chữ rồi đến một câu 8 chữ. — Lối này ít thông dụng lắm.

69. — Bốn đức tốt của người con gái

Phận làm gái này nhờ *giáo - khuyển* (1).

Lắng tai nghe *cổ-truyện* mới nên.

Hãy xem xưa những *bực dâu hiền*,

Kiểm tứ đức : *dong, công, ngôn, hạnh* (2).

Công là đủ mùi sồi thức bánh,

Nhiệm nhật thay đường chỉ mũi kim.

Dong là nét mặt ngọc trang nghiêm,

Không tha thướt, không chiều lả tả.

Ngôn là dạy trĩnh, thưa, vâng, dạ.

Hạnh là đường ngay, thảo, kính, tin,

Xưa nay mấy kẻ *dâu hiền*,

Dong, công, ngôn, hạnh là tiên phạm trần.

Trích trong Gia huấn ca, Nguyễn-Trãi soạn (A)

GIẢI NGHĨA: 1. — Dạy, khuyên. 2. — Gồm có bốn đức tốt là : 1° đáng
dấp, cách đi cách đứng, (dung) ; 2° khéo léo biết làm b' trái
biết theo thừa v' may (công) ; 3° cách nói năng ngọt ngào, mềm
mại, cẩn thận (ngôn) ; 4° hạnh kiểm của mình cho tốt (hạnh).

Câu hỏi : — Bốn đức tốt của người con gái là gì ? — Hãy
cắt nghĩa mấy đức tốt ấy ? Một người con gái có cần phải
có đủ cả bốn đức tốt không ? Nếu có dung mà không
có hạnh hay chỉ có ngôn mà không có công có được
không ? Tại làm sao ?

A. — Xem điều nên nhận và tiểu chuyện tác-giả ở bài trên.

70. — Khuyên học

(Hát nói) A

Hoa mẫu đơn là hoa *phú-quí*, (1)

Hễ làm giai có cái thì nên.

Chữ rằng : « *Dĩ đức vi tiên* » (2)

Cơn nham hiểm không *hiềm* (3) chi đó tá (4)

Cửa càn khôn (5) lần lần khép mở,

Miếng *đỉnh-trung* (6) giờ có riêng ai.

Có công ra thì cũng có ngày,

Gương *kim cổ* (7) để soi người *chính khí*. (8)

Miếng *trần hoàn* (9) hơn nhau là thể,

Dấu nghìn năm còn chép để *lưu-danh*, (10)

Ngô nhân hữu chí cánh thành... (11)

Vô-danh thị

GIẢI NGHĨA : 1. — Giàu sang. — hoa phú quý là hoa của những người quân-tử hay chuộng, vì nó thường làm cho người ta thêm vẻ giàu sang. 2. — 以德爲先 ; lấy đức hạnh làm đầu. 3. — Không phân nân gì, không lấy làm quẫn ngại. 4. — Chữ đệm cho đầy câu. 5. — Tiếng chỉ giờ đất, ở câu này người ta ví giờ đất như một cái cửa khép lại mở, hễ người nào có chí thì cửa ấy mở cho vào mà hưởng những sự sung sướng ở đời, kẻ nào không có chí thì cửa ấy khép lại không cho vào để được hưởng sự vui thú. 6. — Đỉnh là cái đỉnh, trung là cái chuông. — do câu: trung minh đỉnh thực (鐘鳴鼎食); những nhà quan đến bữa ăn thì đánh chuông (trung minh) mà nấu ăn thì dùng cái đỉnh (đỉnh thực); nói nghĩa rộng là những ơn và bổng lộc của nhà vua ban cho. Câu này nghĩa là cái bổng lộc nhà vua, tức là cái sung sướng, cái giàu sang, giờ không riêng để cho ai, hễ người nào có chí học là được. 7. — Kim là nay, cổ là xưa. 8. — Chính trực, khí khái. Câu này nghĩa là từ xưa đến nay, biết bao nhiêu người đã làm gương cho những

A. — Xem ở bài số 88 in ở dưới.

người có chí, chính trực và khí khái soi chung. 9. — Trần là bụi; hoàn là quanh. — Ta thường nói ở trên trần là ở trên đời; quanh là vẫn xoay. — Miếng trần hoàn là sự ở trên đời này. 10. — Lưu cái danh tiếng lại. 11. — 吾人有志更成 người ta có chí thì nên.

Câu hỏi : Sự giàu sang có riêng của một người nào được hưởng không? Muốn được giàu sang thì cần phải thế nào? Tại sao người ta lại có thể nói được rằng: hễ người nào có chí thì nên?

71. — Khuyên không nên ham chơi

(Lối thơ tứ tuyệt liên-hoàn) A

Trót đã đem thân đứng cõi đời,
Nợ đời (1) chưa trả chớ ham chơi.

Chơi mà có hại, chơi chi mãi,
Tỉnh (2) lại đi thôi kéo chậm rồi.

Tỉnh lại đi thôi kéo chậm rồi,
Chậm rồi ta phải tỉnh đi thôi.

Con đường thế sự (3) còn xa tít,
Dáo (4) bước nhanh chân mới kịp (5) người.

Dáo bước nhanh chân mới kịp người,
Kịp rồi ta lại cố (6) không thôi.

Cố sao cho được hơn người nữa,
Chớ để trăm năm (7) một tiếng cười. (8)

Nguyễn-văn-Nhạc

GIẢI NGHĨA : 1. — Những cái mình đã nhờ ơn người đời. 2. — Nghĩ lại, suy xét lại. 3. — Việc đời. — Đây người ta ví cái đời mình cũng

A. — Là lối thơ có nhiều đoạn, mỗi đoạn có 4 câu, mà cứ câu cuối đoạn trước đem làm câu đầu đoạn sau. Chính nghĩa chữ *liên hoàn* là liên vòng.

như là một con đường: mình còn trẻ thì con đường còn xa, bao giờ mình già yếu chết đi mới là hết đường. 4.— Vội vàng, mau chóng. 5.— Theo bằng ai. 6.— Cố công cùng sức. 7.— Người ta cho đời người giải lăm là một trăm năm; hễ đến trăm năm thì ai cũng phải chết; chữ trăm năm ở đây chỉ nghĩa là sau này, sau khi mình chết đi. 8.— Ý nghĩa; người ta chê cười cho, vì mình không làm được công việc gì cho người ta nhờ.

Câu hỏi: Mình đã sinh ra làm người thì có nên ham chơi không? Vì có gì? Tại sao mình phải rảo bước nhanh chân? Bắt kịp được người rồi thì phải làm thế nào nữa?

72. — Bài vлềng cụ Nghè Vân-Đình

(Lối ca lục bát gián thất) A

Bác *Dương* (1) thôi đã thôi rồi!
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta!
Nhớ từ thừa đảng *khoa* (2) ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau;
Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp gỡ khác đầu duyên giới.
Cũng có lúc chơi nơi *dạm khách*, (3)
Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo.
Có khi từng gác cheo leo,
Thú vui con hát lựa chiều cầm *xoang* (4)
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
Chén *quỳnh-trương* (5) ôm ấp bầu xuân.
Có khi bàn soạn câu văn,
Xiết bao *đông-bích*, *điền phần* (6) trước sau.

(Còn nữa)

A. - Cũng như lối song thất lục bát (xem ở bài số 80 in ở dưới)

GIẢI NGHĨA: 1. — Tức là cụ Dương-Khuê, thường gọi là cụ nghề Vân-Đình vì cụ người làng ấy (thuộc phủ Ứng-Hòa tỉnh Hà-Đông) Cụ đồ Tiến-sĩ đời Tự-Đức làm quan đến Thượng-thư; thơ nôm cụ hay có tiếng. 2. — Đồ kỳ thi gì. 3. — Chỗ khác, xa nơi mình ở. 4. — Điều đàn. -- Đây là cầm dùi trống đánh đúng vào dịp đàn khỗ phách. 5. — Chén để rót rượu bằng ngọc quýnh là thứ ngọc rất quý. — Tương là nước; bởi câu thơ Đường: — 飲琮璆百感生 : uống một chén rượu bằng ngọc quýnh thì trong bụng sinh ra trăm mối cảm-tình. 6. — Các câu thơ cổ.

Câu hỏi : Cứ xem đoạn trên này thì tác-giả đối với người mất có giây liên lạc gì ? Hai người cùng đồ với nhau một khoa mà chơi với nhau thì gọi là gì ? (bạn đồng khoa). — Hai người chơi với nhau thế nào ? Những cách chơi ấy có phong nhã không ? Những cách chơi nào có hại ?

73. — Bài viếng cụ Nghề Vân-Đình

(Tiếp theo)

Bước hoạn-nạn (1) gặp đầu ra thế,

Miếng đầu-thăng (2) há dám tham giờ. (3)

Tôi già, bác cũng già rồi,

Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là !

Đường đi lại tuổi già thêm nhác,

Trước ba năm gặp bác một lần,

Cầm tay hỏi hết xa gần,

Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can. (4)

Tuổi tôi kể còn hơn tuổi bác,

Tôi lại đầu trước bác mấy ngày,

Làm sao bác vội về ngay ?

Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời !

(Còn nữa)

GIẢI NGHĨA : 1. — Sự không hay xảy đến như cùngh khốn, tật bệnh.
2. — Cái dẫu và cái vực. Xưa ta phát lương cho các quan cứ tính bằng dẫu. Đây ý nói là phong lưu. 3. — Tham tuổi giờ, muốn sống mãi. 4. — Chưa việc gì.

Câu hỏi : Hai người về lúc tuổi già có hay đi lại chơi với nhau không ? — Ba năm trước, khi nghe tin cụ Vân-Đình mất, cụ Yên-Đồ có gặp cụ lần nào không ? Lần ấy thì cụ Vân-Đình đã sao chưa ? Bốn tiếng chân tay rụng rời tả được ý gì ?

74. — Bài viếng cụ Nghè Vân-Đình

(Bài nối và hết)

Ai chẳng biết chán đời là phải,
Vội vàng chi đã mãi lên Tiên (1)
Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua, không phải không tiền không mua.
Câu thơ nghĩ đắn đo muốn viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa ?
Giường (2) kia treo những hững hờ,
Đàn (3) kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn.
Bác chẳng ở, dẫu van chẳng ở,
Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương.
Tuổi già hạt lệ (4) như sương,
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan . . .

Tam-nguyên Yên-Đồ

Tiên-sinh trước tên là Nguyễn-văn-Thắng sau mới đổi là Khuyến, người làng Yên-Đồ, huyện Nam-sang, tỉnh Hà-Nam, đậu Tam-Nguyên, năm thứ 24 đời vua Tự-Đức (1871), nên thường gọi là Tam-Nguyên Yên-Đồ, Tiên-sinh làm đến Tổng-Đốc, sau vì đau mắt nặng nên phải cáo quan ở nhà dạy học. Tiên-sinh là bậc hay chữ có tiếng.

GIẢI NGHĨA: 1.— Chết. Ta thường bảo ai chết thì hoặc phải xuống địa ngục, hay được lên chốn Bồng-lai tiên cảnh.. 2. — Ở tích ông Từ-Trĩ với ông Trần-Phồn (người ở bên Tàu cả) chơi với nhau thân lắm. Có một cái trống (hình như cái giường) cứ treo luôn, hễ ông Từ-Trĩ đến thì ông Trần-Phồn mới lấy xuống để mời bạn ngồi; khi ông Từ-Trĩ mất thì ông Trần-Phồn thôi không lấy giường xuống nữa. 3. — Ở tích Chung-tử-Kỳ ở đời Xuân-Thu là người biết nghe đàn có tiếng. Một bữa, Bá-Nha (người giỏi đàn) ngồi gảy đàn, bụng nghĩ trên núi thì Kỳ khen : « tiếng đàn hay lắm, chót vót như núi cao. » Kịp khi Bá-Nha đang đánh đàn lại nghĩ xuống dưới sông thì Kỳ khen : « tiếng đàn hay lắm, cuộn cuộn như nước chảy. » Đến lúc Kỳ mất, Bá-Nha cắt giây, đập đàn nói : « Trong thiên-hạ không còn ai nghe được đàn ta nữa. » 4. — Giọt nước mắt.

Câu hỏi : Chán đời là thế nào? Tại sao lại chán đời? Mình còn nhỏ tuổi có nên chán đời không? vì có gì? Cứ xem đoạn trên này thì cái cảm-tình của tác-giả đối với người mất thế nào? Bốn câu cuối cùng ý nói gì?

75.— Khuyên người nên đi xa mà học

Nam-nhi (1) mắc nợ *tang-bồng* (2),
Dọc ngang giới rộng, vẫy vùng bể khơi.
Đưa nhau lên chốn *vũ-dải*, (3)
Văn minh *tấn-bộ* (4) cùng người chen đua.
Ai đi khắp mặt địa-cầu?
Phi-châu ai kiếm? Mỹ-châu ai tìm?
Nguyệt-cầu còn kẻ muốn lên,
Mở miền Nam-Cực, thăm miền Bắc-Dương.
Quanh quanh trong xóm trong làng,
Ếch ngồi dưới giếng (5) thấy đường đi đâu.

Mặt mù⁷ biển chũ⁸ rừ⁹ng nhu (6),
Ngọc tìm trong núi, châu mò đáy sông (7).
Xin ai đèn sách ra công,
Nợ công-danh (8) trả cho xong mới là !....

Trích trong cuốn « Trai lành gái lốt »

Dương-bá-Trạc soạn

GIẢI NGHĨA : 1 — Nam : con giai. — nhi : trẻ tuổi. — Nam nhi là người con giai trẻ tuổi. 2. — Tang : cây dâu ; bông : cỏ bông. — Điền ở kinh Lễ nói: khi đưa bé mới đẻ ra thì làm một cái cung dâu lấy tên bằng cỏ bông để bán đi bốn phương, ngụ ý rằng ngày sau đưa bé ấy nhón lên sẽ đi khắp bốn phương để lập công danh. 3. — Đài múa; chỗ sân khấu để các tài tử ra trò. — nghĩa đây là nơi thi tài đua khôn với thiên hạ. 4. — Tiến là tiến lên; bộ là bước; tiến bộ là bước lên, bước lên từng cao, từng vẻ vang. 5. — Con ếch ngồi ở dưới giếng thì không có thể nhìn lên trên được. — Nghĩa bóng đây là mình cứ quanh quẩn trong xó nhà thì chẳng biết được gì. 6. — Ý nói: sách nhiều như nước ở bể, như cây ở rừng. 7. — Nói bóng là phải kiên tâm đi xa để học, cố nghiên cứu những nghĩa lý tinh vi và tìm tòi những ý kiến cao sâu như muốn tìm ngọc thì phải vào trong núi, mà tìm hạt châu thì phải xuống sông. 8. — Xem ở bài số 38.

Câu hỏi. — Đã là người con giai phải nên thế nào ? Có nên cứ ru rú ở xó nhà không ? vì có gì ? Hãy nói mấy điều thí dụ. Làm thế nào trả được nợ công danh ?

76. — Nước ta về đời Thượng-cổ (1)

(Lối thơ tràng thiên) A

Nước nào có nước cũng có sử,
Chuyện xưa ghi chép đều hoang-dường, (2)
Nước ta có nước tự bao giờ?
Họ vua đầu hết là Hồng-Bàng.

A. — Là lối thơ dài hơn khổ thường, (khổ thường là 8 câu)

Truyền rằng vua (3) lấy bà Âu-Cơ (4)
Một bầu trăm trứng sinh trăm trai.
Cha rông mẹ tiên khó đoàn tụ,
Lên non xuống biển chia làm hai.
Bây giờ chia nước mười lăm khu,
Phong-châu (5) một xứ là kinh-dô ;
Nam giáp Hồ-Tôn, (6) tây Ba-Thục, (7)
Đông, biển, bắc đến Động-Đình-hồ. (8)

(Còn nữa)

GIẢI NGHĨA : 1. — Đời xưa. 2. — Bãi rộng không có cây cỏ gì cả, nghĩa bóng là những sự viển vông, không lấy gì làm đích mà tin là thực được, như là những chuyện thần, tiên, ma, quỷ. 3. — Vua Lạc-Long. 4. — Con gái vua Đế-Lai. 5. — Bây giờ thuộc về Bạch-Hạc (Vĩnh-Yên). 6. — Nước Chiêm-Thành ngày xưa; xứ Trung-kỳ bây giờ. 7. — Châu Vĩnh-phong và huyện Tây-Lâm tỉnh Quý-châu nước Tàu bây giờ. 8. — Tên cái hồ lớn có nhiều phong cảnh đẹp ở vào địa phận tỉnh Hồ-Nam nước Tàu.

Câu hỏi : Bài này chia làm mấy đoạn ? Ý mỗi đoạn nói thế nào ? Chuyện một bầu trăm giai thế nào ? Hãy kể xem. Cứ ý anh thì câu chuyện ấy có hoang đường không ?

77.— Nước ta về đời Thượng-cổ

(Bài nối và hết)

Thục-Phán, Triệu-Đà, hai vua sau,
Người ở Âu-Lạc (1), người Phiên-Ngu, (2)
Hợp với đất mình sáp làm một
Dựng thành nước lớn trên Địa-cầu,
Phải chăng giang sơn (3) có hào-kiệt, (4)
Tắc vàng tắc đất dựng cho Tàu,

Sau gồm *Chiêm-Thành*, (5) lấy *Chân-Lạp*, (6)
Vây vùng biển Á nhường ai đâu ?
Tiếc thay ! con cháu bại nhà này,
Giấy người, nửa người đốt đang tay.
Người thì yêu con, (7) kẻ mê vợ, (8)
Nước đã gần mất còn chưa hay.

Tuyết-Huy Dư ng-bá-Trạc

G'ẢI NGHĨA : 1. — Tên nước ta của vua Thục đặt ra. 2. — Thuộc tỉnh Quảng-Đông bây giờ. 3. — Sông, núi, nghĩa rộng là đất cát trong một nước. 4. — Người giỏi. 5. — Tên nước của một giống ngày xưa ở về đất Trung-kỳ bây giờ. 6. — Xứ Cao-Mên và Nam-Kỳ ngày nay. 7. — Tức là vua Thục yêu con gái là Mị-Châu, 8. — Tức là vua Triệu-Minh-Vương lấy người vợ Tàu là Cù-Thị.

Câu hỏi : Anh hãy kể lịch sử nước ta từ đời vua Hùng-Vương đến đời nhà Triệu. Vì có gì nhà Thục lại mất nước ? Ý anh đối với cách ăn ở của Mị-Châu và Trọng-Thủy thế nào ? Về cuối đời nhà Triệu thì nước ta ra làm sao ?

78.— Đức Thánh Gióng

Sáu đời Hùng vận vừa suy,
Vũ-Ninh (1) có giặc mới đi cầu tài (2).
Làng *Phù-Đổng* (3) có một người,
Sinh ra chẳng nói chẳng cười trơ trơ.
Những ngờ oan trái (4) bao giờ,
Nào hay thần-tướng đợi chờ *phong vân* (5).
Nghe vua cầu tướng ra quân,
Thoắt ngồi thoắt nói, muôn phần *kích ngang* (6).
Lời thừa mẹ, dạ cần vương (7),
Lấy trung làm hiếu mọi đường phân minh.

Sứ về lâu trước Triều-Đình,
Gươm vàng ngựa sắt đề binh tiên vào
Trận mây theo ngọn cờ đào,
Ra uy sấm sét nửa chiều giặc lan.
Áo nhung (8) cỡi lại Linh-san,
Thoắt đà thoát nợ trần hoàn (9) lên tiên (10).

Trích trong Quốc-sử diễn ca, Đặng-huy-Trứ soạn.

Ông Trứ người làng Thừa-Thiên, thi đỗ Giải-Nguyên đời Minh-Mệnh. Đời Tự-Đức, Ngài làm đến chức Bình-chuẩn đi buôn các nước, có qua Tàu, qua Nhật. Ngài hiệu chỉnh lại bản Quốc-sử-diễn-ca của ông Ngô-Cát người huyện Chương-Đức soạn và có tập văn Hoàng-Trung.

GIẢI NGHĨA: 1. — Bây giờ là huyện Vũ-giang tỉnh Bắc-ninh. 2. — Tìm người tài giỏi. 3. — Tức là làng Gióng, thuộc huyện Tiên-du (Bắc-ninh). 4. — Ông cha làm điều gì ác thì đời con cháu chịu lấy tội oan sinh ra lắm sự không hay. 5. — Xem ở bài số 38. 6. — Kịch là kịch thích trong trí, cảm khái trong lòng; ngang là phấn phát, mạnh mẽ. 7. — Hết lòng thờ vua. 8. — Áo mặc đi đánh giặc. 9. — Xem ở bài số 70. 10. — Trên trời.

Câu hỏi : Đức Thánh Gióng người ở đâu ? Lúc Ngài mới sinh ra thì thế nào ? Sau Ngài đánh được giặc nào ? Ngài đánh xong rồi thì Ngài đi đâu ? Cứ như ý anh thì câu chuyện này có hơi hoang đường không ?

79. — Câu hỏi của cậu bé

— Cái gì nhanh nhất thừa cha ?
Hay là sông cái, hay là gió chẳng ?
Hay là sao chạy từng hàng,
Vần soay trong cõi thiên-đàng (1) phải ru ?

Hay là mây tỏa khói mù ?
Éi bay vùn vụt tịt mù trong không ?
Hay là pháo nổ đi đùng ?
Hay là chớp giựt ? hay cùng sấm ran ?
Để thường thác (2) chảy tuyết tan ?
Đạn bay vùn vụt phá tàn thiếu chi ?
Buồm giương phấp phới tầu đi ?
Người trên mình ngựa đang phi (3) giữa đường ?
— Con ơi ! biết đến càng thương,
Tuy rằng lý thú nhưng buồn tênh !
Con ơi ! này cái chạy nhanh,
Ấy là ngày sướng rành rành chẳng sai.

Nguyễn-văn-Thư dịch văn Pháp

GIẢI NGHĨA : 1. — Đây ý nói khoảng rộng mông mênh vô hạn ta thường gọi là giới. 2. — Đám nước rất to chảy từ trên cao xuống rất mạnh và rất nhanh. 3. — Chạy rất nhanh.

Câu hỏi : Cậu bé con hỏi cha thế nào ? Những câu hỏi của cậu bé có ngộ nghê lắm không ? Cha bảo con thế nào ? Tại sao cha lại bảo biết đến càng thương ? Cha bảo ngày sướng chạy nhanh nhất có phải không ? Tại sao ? Anh phải làm thế nào cho khỏi phi những ngày sướng ấy ?

80. — Cái hộp

(Lối ca song thất lục bát) A

Chị ả Liên một hôm hỏi mẹ :

« Sao hộp này có vẻ thơm tho ?

Mẹ nghe ả hỏi nhỏ to,

Đố con đoán được ra cho tỏ tường,

Chị ả đáp : « dễ thường *chất* (1) đó,

« Chẳng qua là giới nọ sinh ra.

Mẹ nghe ả nói thật từa,

Liên cười mà bảo : « con ta khéo nhảm.

« Bởi con chẳng để tâm suy xét,

« Vậy nên con không biết rõ ràng.

« Hộp này thơm nức mùi *hương*, (2)

« Là vì mẹ ướp hoa *hường* (3) ở trong,

« Khiến hộp ấy ở cùng hoa ấy,

« Hóa cho nên *đượm lấy* (4) được mùi. »

Này gương bạn tốt ở đời,

Khuyên ai nên xét chớ thời *tào lao*. (5)

Chữ rằng : « trạch *bửu nhi giao* (6)

Nguyễn-hùng-Tác

A. — Lối này thì cứ hai câu 7 chữ đến một câu 6 và một câu 8 rồi theo thể mà đặt dài mãi ra. Cách hợp vận thì chữ cuối câu 7 trên vần với chữ 5 câu 7 dưới rồi chữ cuối câu 7 dưới vần với chữ cuối câu sáu, chữ cuối câu 6 lại vần với chữ 6 câu 8 rồi chữ cuối câu 8 lại bắt vần với chữ 5 câu 7 ở đoạn dưới, cứ theo thể mà tiếp vần mãi. Âm điệu thì hai câu 7 phải làm sao cho chữ cuối câu 7 trên là tiếng trắc mà chữ cuối câu 7 dưới là tiếng bằng.

GIẢI NGHĨA: 1. — Chắt thơm. 2. — Thơm. 3. — Hoa hồng. 4. — Uớp lấy, có mùi thấm vào. 5. — Lấy làm thường mà nhẹ giả tin người. 6. — 擇友而交 chọn bạn mà chơi.

Câu hỏi: Chị ả Liên một hôm hỏi mẹ thế nào? Mẹ bảo chị ả thế nào? Chị ả cho chắt thơm ở hộp là tự nhiên có hay bởi đâu mà ra? Mẹ bảo chị ả thế nào? Bài này cốt khuyên ta gì? Có nên chọn bạn mà chơi không? Tại sao?

81. — Có tiếng còn hơn có miếng

Xưa kia có kẻ chần *chiên* (1),
Guốc đi đèn nổi không tiền mà mua.
Trời đông (2) đương lúc gió mưa,
Dầm sương đập tuyết chân đưa rụng rời.
Trong rừng trộm bông tới nơi,
Bảo rằng: « khồ đèn nhà người là cùng.
« Chân đi không guốc lạnh lùng,
« Thân kia chống với giới đông được nào?
« Hãy đi ăn trộm như tao,
« *Tiền rừng, bạc bể* (3) muốn sao được liền »
Chần *chiên* mới trả lời liền;
« Thôi ! thôi ! hỡi kẻ ngu hèn lánh xa.
« *An bản* (4) ta chịu phận ta,
« Giàu mà ăn trộm tất là chẳng ngon (5).
« Thà rằng chân lấm tay bùn,
« Còn hơn để nhục *vong hồn* (6) mai sau ».

Phạm-huy-Chung dịch văn tây.

GIẢI NGHĨA : 1. — Cừu con. 2. — Tiết trời mùa đông. 3. — Ý nói tiền nhiều lắm. 5. — Yên phận chịu nghèo khổ. 5. — Thích, được hưởng lâu. 6. — Danh tiếng của mình khi mình mất đi.

Câu hỏi: Tình cảnh người chần chừ chiền khổ sở như thế nào ? — Kẻ trộm đến bảo anh ta thế nào ? — Anh ta có nghe không ? Vì cớ gì anh ta lại muốn yên phận mà chịu nghèo khổ ?

82. — Khuyên học

Khuyên ai luyện tập sách đèn, (1)
Sao cho tỏ mặt thiếu-niên anh tài, (2)
Nước nhà đương buổi bán khai, (3)
Mong sao trọn vẹn là người quốc dân, (4)
Xin đừng nhãng độ thanh-xuân, (5)
Xin đừng mê mẩn giữ phần giã man (6).
Xin đừng say bả hồng nhan (7),
Cái thần son phấn đã oan nhiều người !
Xin đừng cờ bạc dong chơi,
Cái ma đen đỏ (8) chôn vùi những ai !
Phải nên khuya sớm dùi-mài, (9)
Phải nên học lấy thành tài (10) là hơn.
Cát kia còn đắp nên cồn,
Đá kia nước chảy cũng mòn nữa ta !
Ta đi ta dốc (11) chí ta,
Mong sao học được mới ra thân người.
Mong sao học một hay mười,
Có công mài sắt, ắt thời nên kim, (12)

Nghiêm-xuân-Lãm

GIẢI NGHĨA : 1. — Sách đèn là biểu hiệu sự học, — Luyện tập sách đèn là chăm chỉ sự học hành. 2. — Thiếu niên là trẻ tuổi; anh tài là người thông minh, tài giỏi. 3. — Nửa mở. — Đường bước lên đường văn minh, nhưng chưa bỏ hết được thói hủ, cũng như cái cửa mới mở được một nửa. 4. — Người dâ trong nước. 5. — Tuổi trẻ mà vui vẻ như mùa xuân. 6. — Hủ lậu, quê mùa. 7. — Mặt đỏ, chỉ những người đàn bà vô hạnh, cả ngày chỉ những tô son điểm phấn như hạng ả đầu, thanh lâu. — Cái bả là cái thuốc dử người để người mắc vào mà hại người ta. 8. — Chỉ sự cờ bạc, vì đánh bạc thường cầu lấy sự được (tức là đỏ) mà không muốn có sự thua (tức là đen). 9. — Xem ở bài số 32. 10. — Nên người tài giỏi. 11. — Cố cho được thỏa. 12. — Xem ở bài số 19.

Câu hỏi : Ở bài này, người ta khuyên mình gì ? Tại sao người ta lại khuyên mình không nên những tuổi thanh xuân ? Không nên say bả hồng nhan ? Không nên dong chơi cờ bạc ? Người ta lại khuyên mình gì nữa ? Những câu gì tỏ nghĩa rằng hễ có chí thì nên ?

83. — Khuyên học

(Thề hát ru em) A

Hạ hơi hơi, hạ hơi hơi,

Nam nhi (1) đứng ở trên đời,

Thông minh tai mắt là người trần-gian (2).

Tang tình tang, tình tình tang,

Em thơ chị ẵm, em ngoan chị bồng.

A. — Thề này theo thề lục bát (xem ở bài số 44) mà gia giảm, hoặc đệm thêm tiếng đưa đẩy, hoặc nối thêm giọng ngâm nga.

Bồng bống bông,
Màn *Đổng-tử*, (3) gối *Ôn-công* (4),
Lớn lên em phải ra công học hành.
Xinh ghê xinh gớm là xinh.
Tình tình tình.
Sớm khuya cửa *Khổng* (5) sân *Trình* (6) ;
Đốc lòng nấu sủ' sôi kinh (7) chờ đời.
Hạ hơi hơi, hạ hời hời,
Học là học đạo làm người,
Làm người phải giữ lễ trời (8) giám sai.
Làm trai cho đáng nên trai,
Ngày một ngày hai,
Chớ dừng nay lại ngày mai,
Chớ dừng đi nghịch cho phai lòng vàng (9).

.
Em ơi, em hơi em hời,
Muốn nên tai mắt (10) ở đời,
Thì em phải nhớ những nhời chị ru,
Ru hơi, ru hơi, tình ru.

(Nguyễn Khuyến) A

GIẢI NGHĨA: Xem ở bài số 75. 2—Ở trong chỗ bụi tức là ở trong cõi đời. (B) 3. — tên một người học trò ở đời nhà Hán, thường buông màn đọc sách. 4. — Tên một người hiền đời nhà Tống, thường tựa gối xem sách. 5. — Cửa ông Khổng-Tử là bậc hiền thánh ở nước Lỗ sinh trước Thiên-chúa giáng sinh 445 năm, dạy được tới hơn ba nghìn người học trò mà vào bậc cao hiền được 72 người. 6. — Sân ông Trình-tử, cũng là một bậc hiền triết có nhiều học trò lắm. 7. — Ta ngày xưa học thường cứ học sủ' và nấu kinh xem ở bài số 32) nên bây giờ thường lấy bốn chữ ấy để chỉ sự học rất

A. — Xem tiểu chuyện ở bài số 75. B. — Xem ở bài số 70.

chăm chỉ. 8 — Lễ của trời đã chỉ sẵn cho người ta theo như đạo làm người phải ăn ở thế nào. 9. — Vàng là một vật rất quý báu mà không mòn hay hư hỏng được. Tấm lòng của ai bền không xuy suyền được, khó thay đổi được thì gọi là lòng vàng. — Vàng chỉ có thể phai được; phai nghĩa là lạt mùi đi. — phai lòng vàng: làm mất lòng mong mỏi. 10 — Người khá giả có tiếng tốt.

Câu hỏi: Ở bài này chị khuyên em gì? Chị lấy những ai làm gương cho em? Chị khuyên em học để làm gì? Tại sao chị lại khuyên em thế?

84. — Nhớ bạn

Từ đây bèo nước lênh đênh,
Cánh hoa vô chủ (1) đã đành từ đây...
Buồng riêng thức thức phôi bầy,
Lòng nào vui những của này với ai! ?
Ngón cầm dù lựa vào tai,
Điệu cao đã vậy, nào người tri-âm (2)! ?
Túi thơ dù đúc nên ngâm,
Phẩm đề ai kẻ đồng tâm (3) với mình ?
Bút hoa (4) dù vẽ nên tranh,
Lấy ai mà nhận nét tình (5) cho hay ?
Cuộc cờ ai kẻ ngang tay,
Thấy cờ mà tưởng những ngày chơi đêm (6)
Nào gương, nào chỉ nào kim,
Nào ai mà để chi thêm bận lòng,
Sạch xanh (7) phỏ trận lửa (8) nồng (9)
Tiên thề (10) đành để ghi lòng kiếp sau

Trích trong cuốn « Hoa tiên truyện »

Truyện này truyền của ông Nguyễn-huy-Tự soạn và ông Nguyễn-Thiện nhuận sắc lại vào khoảng cuối đời Lê, đầu Bản-triều.

TIỂU DẪM : Nguyên Lương-sinh nhân sang trọ học ở nhà mợ, gặp Dương-dao-Tiên sinh ra tương tư nhau, những nguyện kết ngãi trăm năm với nhau. Ngờ đâu ông thân-sinh lại hỏi người con gái họ Lưu cho rồi nên Lương-sinh khi về thăm cha, nghe thấy tin ấy không biết làm thế nào, đành phải vâng mệnh. Nàng Dương-dao-Tiên tưởng Lương-sinh bội ước lấy làm buồn rầu, những khóc ngấm tui ngấm, nhìn quanh mình là vật hữu tình cả, tiểu thư không sao nhịn nổi đem đốt hết, chỉ giữ lại một tờ hoa-tiên trên có nhời thề của Lương-sinh viết mà thôi (chính vào đoạn này).

GIẢI NGHĨA : 1. — Không có chủ. — Đây là Dương-dao-Tiên tự hồ không có ai săn sóc tới như cành hoa không có chủ vậy. 2. — Biết điệu hay, biết tâm sự mình. 3. — Cùng một lòng, một dạ. 4. — Khéo léo, hễ vẽ ra thì trông như là hoa nở. 5. — Thần tình, có tình tứ. 6. — Nguyên lúc Dương-dao-Tiên đang đánh cờ chơi với bạn gái vào ban đêm, thì Lương-sinh thơ thần bắt gặp từ đấy mới sinh ra trộm nhớ thăm yêu nhau. 7. — Hết cả, không còn tí gì. 8. — Giao phó, ném cả vào. 9. — Cháy bùng bùng. 10. — Tức là tờ hoa-tiên có lời thề của Lương-sinh viết.

Nên nhận : Bốn câu thứ 5, thứ 7, thứ 9, thứ 11 nói về cầm, thi họa, kỳ. Bốn thứ ấy là bốn cách chơi phong nhã.

Câu hỏi : Đại ý bài này thế nào ? Lúc đọc bài này thì có biết người chủ động trong bài này buồn đến thế nào ? Tại sao người ấy lại đem đốt hết cả những vật hữu tình đi thề ? Người ấy còn giữ mảnh hoa-tiên làm gì ?

85. — Đời người khổ sở

Một đời kể thiên ma bách chiết,
Hình thì còn, bụng chết đời nau !
Thảo nào khi mới chôn rau,
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra !

Khóc vì nỗi thiết tha sự thế,
Ai bày trò bãi bề nương dẫu,
Trắng răng đến thừa bạc đầu,
Tử, sinh, kinh, cụ làm nau mấy lần.
Cuộc thành-bại hầu căn mái tóc,
Lớp cùng thông như đúc buồng gan.
Bệnh trần đòi đoạn tâm can,
Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da.
Gót danh lợi bùn pha sắc xạm,
Mặt phong trần nắng r ám mùi dẫu.
Nghĩ thân phù thê mà đau.
Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê.

Trích trong Cung-oán-ngâm-khúc

Khúc này của ông Ôn-như-Hầu soạn (không rõ tên, họ, sự nghiệp ông thế nào chỉ truyền lại cái tước của ông như vậy; hình như ông ở về đời nhà Lê thì phải) Khúc này là nhờ của một người cung-phí có tài sắc, (xem bài số 94, in sau) than thở về phận vì bị Vua chán bỏ. Đoạn trích trên là đoạn nằng ngẫm nghĩ đến cái khổ của đời người.

GIẢI NGHĨA : Nghĩ một đời người ta chịu bao nhiêu sự vất vả, (thiên ma bách chiết 千磨百折: nghìn lần mài, trăm lần giũa) hình tuy còn mà hồn đã chết những tự bao giờ. Thảo nào khi mới đẻ ra thì khóc ngay, khóc vì nỗi sự đời thiết tha, nào ai đã bày ra cuộc biến đổi (bãi bề nương dẫu, ý nói thay đổi); từ lúc trẻ cho đến lúc già, biết bao việc chết, sống, sợ hãi (tử sinh kinh cụ) làm cho người phải đau đớn mấy lần, nào là cuộc được, thua (thành bại) làm cho người ta già trụi (căn) cả tóc; nào là lúc cùng cực, khi gặp may (cùng thông) làm cho người ta tức, gan rắn lại (đúc buồng gan) nào là bệnh nọ tật kia (bệnh trần là sự khổ trên dương gian) làm đau gan ruột (tâm can); nào là khi đói (cơ) như lửa đốt ruột, lúc

rét (*hàn*) như dao cắt da. Lại còn lúc cầu danh lợi, nay cửa này, mai cửa khác, đi lăm xam cả người, khi lo việc đời, cứ đi, đi mãi, mặt bị nắng dăm lại, trông ngăm ngăm da dâu. Cho hay cái thân ở cõi đời (*phù thế* là đời nổi) ví như một vật nổi lênh dênh trên mặt nước, cũng như cái bọt trong bể khổ, cái bèo dầu bến mê, càng nghĩ lại càng đau....

Câu hỏi : Trong bài này, nàng Cung-phi kể cái cảnh khổ người đời thế nào ? Đời người có thật khổ sở như vậy không ? Ý anh nghĩ thế nào ?

86. — **Than nghèo**

(Thể thơ bát cú liên hoàn) A

Chưa chán ru mà quấy mãi đây ?
Nợ nần dan-diu bấy lâu nay.
Mang danh tài-sắc clo nên nợ,
Quen thói phong-lưu hóa phải vay.
Quán-tử (1) lúc cùng thêm thẹn mặt,
Anh-hùng (2) khi gặp cũng khoanh tay.
Còn giới còn đất còn non nước,
Có lẽ ta đâu mãi thế này ?
Có lẽ ta đâu mãi thế này ?
Non sông lần-thần mấy *thu* (3) chầy.
Đã từng tắm gội ơn mưa móc, (4)
Cũng phải xênh xang hội gió mây. (5)

A. — Là thể thơ có nhiều bài bát cú, mà cứ câu cuối bài trước đem làm câu đầu bài sau.

Hãy quyết phen này xem thử đã,
Song còn tuổi trẻ chịu chi ngay.
Xưa nay *xuất sử* (6) thường hai lối,
Mãi thế rồi ta sẽ tỉnh đây.

(Còn nữa)

*Bài này có hai đoạn : đoạn trên nói vì có gì mà nghèo ;
đoạn dưới nói quyết chi rồi sạch cái nghèo.*

GIẢI NGHĨA : 1. — Người bụng dạ khác thường, hay lấy lượng rộng rãi xử với mọi người. 2. — *Anh* là anh hào ; *hùng* là con sông ; người anh hùng là người tài giỏi khác thường, cũng như trong đàn chim có con chim sống là mạnh mẽ giỏi giang nhất. 3. — Thu là mùa thu, chỗ ý là năm, vì mỗi năm có một mùa thu. 4. — Xem ở bài số 63...5. — Cái dịp may mắn người ta được, khác nào như mây gặp được gió đưa đi. 6. — *Xuất* là ra ; *sử* là ở, hoặc ra làm quan, hoặc ẩn ở nhà.

Câu hỏi : Cứ như ý bài này thì tác-giả vì có gì mà nghèo ?
Nhưng tác-giả có chịu để phải nghèo mãi không ? Vì sao ?
Câu thứ ba và thứ tư ở đoạn dưới ý nói gì ?

87. — Than nghèo

(Bài nối và hết)

Mãi thế rồi ta sẽ tỉnh đây,
Điền-viên (1) thù nợ vườn xưa này.
Giang hồ *bạn-lữ* (2) câu tan hợp, (3)
Tùng-cúc (4) anh em cuộc tỉnh say.
Ghềnh đá Khương-Công (5) đôi khóm trúc.

Núi xuân *Nghiêm-tử* (6) một vai cây,
Thái-bình Vũ-trụ (7) càng thông thả,
 Chẳng lợi danh chi lại hóa hay.

Chẳng lợi danh chi lại hóa hay,
 Chẳng ai phiền lụy, chẳng ai rầy.
 Ngoài vòng *cương-tỏa* (8) chân cao thấp,
 Trong thú *yên-hà* (9) mặt tỉnh say.
 Liếc mắt coi chơi người lớn bé,
 Vênh râu bàn những chuyện xưa nay.
 Cửa giới giảng gió kho *vô-tận*, (10)
 Cầm hạc tiêu dao (11) đất nước này.

Cụ Thượng Trứ

Cụ người làng Uy-Viễn, huyện Nghi-Xuân (Nghệ-An) đỗ Giải-nguyên đời vua Gia-Long, làm quan thời vua Tự-Đức. Cụ là người văn võ toàn tài, đi đánh giặc mấy lần, làm đến Tổng-đốc tỉnh Hải-An; cụ bị cách chức hai lần. Văn-quốc-âm cụ rất hay, nhất là các bài hát ả đầu của cụ thì thật tuyệt cú.

Hai đoạn trong bài này thì đoạn trên nói không thiết danh lợi; đoạn dưới nói cái cảnh ở ngoài vòng danh lợi.

GIẢI NGHĨA: 1. — Ruộng, vườn. 2. — Bạn bè; giang hồ bạn lữ ý nói bạn bè nay đây mai đó. 3. — Câu chuyện khi chia rẽ nhau và lúc gặp nhau. 4. — Cây thông và cây cúc. — Tùng cúc là biểu hiệu người ẩn dật (do tích cụ Đào-Tiềm là người ẩn dật có tiếng ở đời nhà Tấn chơi thông và cúc). 5. — Tức là ông Khương-Tử-Nha (hoặc Thái-công-Vọng) là một nhà ẩn sĩ, khi đi ẩn ngồi câu trên sông Vị, vua Chu-Văn-Vương đón về giúp nước. 6. — Tức là Nghiêm-Quang (hoặc Tử-Lăng) cũng là một nhà ẩn dật đi cây ở Tề-Trạch, vua Hán-Quang-Vũ đón về làm khách. 7. — Giới đất yên hàn vui vẻ. 8. — Do câu « danh cương lợi tỏa » nghĩa là đàm danh khóa lợi, coi cái danh lợi như cái đàm cái khóa nó dam hãm mình, bó buộc

minh. 9. — khói mây ; thú yên hà là thú non xanh nước biếc chụ lấy khói mây làm thích. 10. — Không bao giờ hết. 11. — mang đàn giắt hạc, thông thả đi chơi mọi chỗ (Ông Triệu-Biên đời Tống đi đâu chỉ một con ngựa, đem một cái đàn và con hạc theo).

Câu hỏi : Cứ xem đoạn trên này thì có biết tác-giả đối với cuộc công danh và sự ăn dật thê nào ? Điền viên có những thú gì ? Ra ngoài vòng danh lợi có thích không ? Tại làm sao ?

88. — Quí thời giờ

(Hát nói) A

Mưỡu. — Tháng năm như thê thoi đưa, (1)

Trẻ trung thừa ấy, già nua lúc nào !

Thời giờ phí biết nhường bao,

Ai ơi đừng có phí phao nữa hoài !

Thiên kim nhất khắc quân tri phủ ? (2)

千金一刻君知否

Vội chi mà mãi ngủ với bام chơi ?

Nào sĩ, nông, công, cổ (3) những người,

Hãy gìn giữ cho tròn (4) nghĩa vụ ;

A. — Tức là lối hát ả-đào. Lối văn này hát lên phải hòa với bài đàn dịp phách cho nên cách hiệp vận cũng phải theo cung đàn khổ phách. Một bài thường đặt có 11 câu ; (nếu đặt quá 11 câu như bài này thì gọi là *đôi khổ*) mỗi câu đặt từ 4 chữ đến 7, 9 chữ là đủ (nếu đặt dài hơn thì gọi là *gối hạc*), mà câu thứ 5, thứ 6 thì làm thể thơ ngũ ngôn, thất ngôn hay là thơ quốc âm (như ở bài này). Ở trên mỗi bài thường có một bài mưỡu đặt lối lục bát để mở mào lên đầu.

Trót đã dẫn mình trong vũ-trụ, (5)
Sao cho chen gót cõi trần-hoàn. (6)
Phải vui lòng vững chí bền gan,
Dầu công việc nhọc nhằn đừng xá-quản. (7)
Ngồi mà nghĩ : như nước chảy, như mây tuôn,
như chớp nhoáng,
Bóng quang-âm (8) thấp thoáng đợi chờ ai....
Liệu lo toan đóng-góp (9) với đời,
Nợ nhân thế đã vay ai phải trả (10).
Xem học-thuật của Ri-sa trưởng-giả, (11)
Cái thời giờ trị giá đáng bao ?
Ai ơi ! thử nghĩ xem sao !....

Đoàn-như-Nam

GIẢI NGHĨA: 1. — Xem ở bài số 21. 2. — Nghìn vàng một khắc anh biết không? ý nói: một khắc đồng hồ quý bằng một nghìn đồng tiền vàng. 3. — Sĩ: người học trò hay người làm việc bằng trí não như các ông quan, các ông giáo hay các ông thư-ký, vân, vân... Nông: người làm ruộng. Công: người làm thợ. Cò: người đi buôn. 4. — Đầy đủ, làm trọn. 5. — Nói gồm cả giới đất. 6. — Xem ở bài số 70. 7. — Ngại ngùng, lo sợ. 8. — Quang là sáng; âm là chỉ mặt giới. Bóng quang-âm là ánh sáng mặt giới, nghĩa rộng là ngày giờ. 9. — Giúp sức mình vào những công việc của người đời. — 10. — nhân thế: người đời. — câu này ý nói: mình ở đời từ cái ăn mặc cho chí nhà cửa, đồ đạc, sách vở, mình đã nhờ người ta làm cả, cũng như mình đã vay người ta, vậy thì mình phải làm cái gì có ích cho người ta cốt để trả những cái nợ ấy. 11. — Là tên một cuốn sách nhan là « *Science du bonhomme Richard* » của ông Franklin (sinh ở Boston nước Anh (1706 — 1790) là nhà văn-sĩ trứ-danh và đã có công về sự dựng nền độc-lập cho nước Mỹ) soạn, trong cốt dạy người ta phải nên tiết kiệm, làm việc và quý thì giờ.

Câu hỏi : Bài này cốt khuyên ta gì ? Tại sao ta phải qui thì giờ ? Đã biết qui thì giờ thì phải làm thế nào ? Nếu chăm chỉ làm việc thì được lợi gì ?

89. — Bà Trưng-Trắc

Bà Trưng quê ở châu *Phong*, (1)
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên.
Chị em nặng một nhời nguyện,
Phất cờ *Nương-tử* (2) thay quyền tướng quân.
Ngàn-Tây (3) nổi áng *phong-trần*, (4)
Ầm ầm binh mã xuống gần *Long-Biên*. (5)
Hồng-quần (6) nhẹ bước *chinh-yên*, (7)
Đuổi ngay *Tô-Định* (8) dẹp yên *biên-thành*. (9)
Đô-kỳ (10) đóng cõi *My-Linh*, (11)
Lĩnh-Nam (12) riêng một triều-đình nước ta.
Ba thu (13) gánh vác sơn hà, (14)
Một là báo phục, hai là bá vương. (15)
Uy-danh (16) động đến *Bắc-phương*, (17)
Hán sai *Mã-viện* (18) lên đường tiến công. (19)
Hồ-Tây đua sức vây vùng,
Nữ-nhi chống với anh hùng được nao !
Cấm-Kê (20) đến lúc hiểm nghèo,
Chị em thất thế (21) phải liều với sông.
Phục-Ba (22) mới dựng cột đồng,
Ai-quan truyền dấu biên công cõi ngoài.

Trích trong Quốc-sử diễn ca của Đặng-huy-Trứ (A)

A — Xem tiểu-chuyện ở bài số 78.

GIẢI NGHĨA : 1. — Bây giờ về huyện Bạch-Hạc, tỉnh Vĩnh-Yên. 2. — Nguyên con gái vua Đường Cao-Tổ khởi quân (gọi là quân nương-tử) giúp cha mở nước. Cờ nương-tử đây là cờ của quân tướng đàn bà đi đánh giặc. 3. — Rừng phía Tây. 4. — Con gió bụi, chỉ lúc loạn-lạc. 5. — Thành Hà-nội bây giờ. 6. — Quân điều ; ngày xưa ở nước Tàu, con gái nhà sang hay mặc quần điều : tiếng chỉ chung đàn bà con gái. 7. — Cái yên đặt trên mình ngựa cưỡi đi đánh giặc. 8. — Quan Thái-thủ quận Giao-chỉ của Tàu cắt sang, người tham bạo, đã giết chồng bà Trưng. 9. — Thành trì ở chỗ nước họ giáp với nước kia. 10. — Chỗ vua đóng đô. 11. — Bây giờ thuộc tỉnh Sơn-Tây. 12. — Tên nước ta ngày xưa của người Tàu đặt ra ; chính là chỉ cả cái khu vực ở phía nam núi Ngũ-Lĩnh (gần sông Dương-tử-giang) 13. — Năm. 14. Làm vua, gánh vác công việc làm cho non sông mình được tươi tốt. 15. — Vua chúa, sự nghiệp làm nên vua chúa. 16. — Cái oai và cái tiếng tăm. 17. — Phương bắc là nước Tàu. 18. — Tên một ông tướng rất giỏi ở đời nhà Đông-Hán bên Tàu. 19. — Cắt quân đi đánh. 20. — Thuộc làng Hạ-Lôi tỉnh Phúc-Yên bây giờ. 21. — Mất thế đánh lại. — 22. — Chức của Mã-Viện (Phục-Ba tướng quân).

Câu hỏi : Bà Trưng quê ở đâu ? Vì cơ gì bà cùng với em quyết chí đi đánh giặc ? — Bà có đánh được quân Tàu không ? Bà đánh xong rồi, bà làm gì ? Sau Vua Hán sai ai sang đánh bà ? Hai bà có địch nổi quân Tàu không ? Sau hai bà phải thế nào ?

90. — Hương-Sơn

Bầu giời cảnh bụi,

Thú Hương-Sơn ao ước bấy lâu nay !

Kìa, non non, nước nước, mây mây,

Đệ-nhất-động (1) hỏi rằng đây có phải ?

Thỏ thẻ rừng mai *chim cúng trái* (2)

Lững lơ khe nước cá nghe kinh.

Tboảng bên tai một tiếng *chầy-kinh*, (3)

Khách *tang-hải* (4) giựt mình trong giấc mộng !
Này suối *Giải-Oan*, này chùa *Cửa-Võng*,
Này am *Phật-Tịch*, này động *Tuyết-Kinh*.
Nhác trông lên ai khéo vẽ hình :
Đá ngủ sắc long lanh như gấm dệt.
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt, (5)
Gập gềnh mấy lối uốn thang mây.
Chừng giang sơn còn đợi ai đây,
Hay *Tạo-hóa* khéo ra tay xếp đặt.
Lần tràng hạt niệm : *nam-vô-phật* !
Cảnh *từ bi* (6) công đức biết bao !
Càng trông phong cảnh càng yêu...

Chu-mạnh-Trinh

Người làng Phú-Thị, tổng Mễ-sở, tỉnh Hưng-yên, đỗ Tiến-sĩ, làm quan đến Án-sát tỉnh Hà-Nam. Ngài là một bậc phong lưu, các nghề chơi như đàn, vẽ đều giỏi cả. Văn quốc-âm lại rất hay, có tập thơ vịnh Kiều 20 bài và ít nhiều bài hát ả-đào truyền lại.

Tiểu dẫn : *Núi Hương-Sơn ở về phủ Mỹ-Đức tỉnh Hà-Đông, cảnh núi u tịch, lối vào khuất khúc, qua khe đến núi, qua núi đến chùa, qua chùa đến động, lại có những suối Giải-Oan, chùa Cửa-Võng, am Phật-Tịch, động Tuyết-kinh, lối lên giới, hang xuống đất. Tương truyền đức chúa Ba nước ta đặc đạo tu ở đây, cho nên đến nay năm năm cứ tháng hai, tháng ba, kẻ hành hương, người lăm thắng, thực là ngựa xe như nước, áo quần như nen.*

GIẢI NGHĨA : 1. — Vua Lê-Thánh-Tôn có khắc năm chữ bằng đá đề trước cửa động rằng: Nam-thiên đệ nhất động 南天第一洞: động thứ nhất giới Nam. 2. — Chim đậu trên cành mai có quả mà hột trông hình như nó cũng cái quả ấy (trái là quả). 3. — Cái dùi.

để đánh chuông, làm hình con cá kinh. 4. — dẫu bề, xem chữ *tang thương* ở bài số 61. 5. — bóng giăng chiếu xuống lồng lộng. 6. — cảnh nhà chùa tu hành.

Câu hỏi : Hương-Sơn ở về đâu ? Phong cảnh ở đấy có đẹp không ? Đẹp thế nào ? Hương-Sơn có những thú gì ? Tư tưởng của tác-giả đối với Hương-Sơn thế nào ?

91. — **Gương hiệu học**

(Lối ca song thất lục bát) A

Nhật lấy cỏ *bồ biên* (1) mà đọc,
Người *Ôn-thư* (1) chí học mới cao.

Chàng *Hoảng* (2) không sách biết sao,
Mượn kinh mà đọc viết vào *mảnh tre*. (2)
Rủi đăm vẽ (3) kéo khi buồn ngủ,
Người *Tô-tần* (3) chí thú đọc kinh.

Tóc treo giường ấy *Vương-sinh* (4)
Để cho dễ thức học hành canh khuya.
Thửa dầu hết, đèn loe bóng nguyệt. (5)
Chàng *Tôn-khanh* (6) chịu rét đêm đông.
Nọ người *Trác-Giận* (6) dầu không,

Túi bao đom đóm bạn cùng *thư trai*. (7)
Vai gánh củi học thời luôn miệng.
Chu-mãi-Thần (8) nên tiếng danh nho.
Lý-sinh (9) chẳng quản công phu,
Chắn trâu treo sách một pho trên sừng,
Ấy những người trước từng khó nhọc,
Sau làm nên chức trọng quan sang.

Làm giai chi khí hiên ngang, (10)
Chớ rằng nguy khổ trễ chàng làm chi.

Trích trong hài ca khuyên học của ông Nguyễn-Trãi (A)

GIẢI NGHĨA : 1. — Lộ-ôn-Thư đời nhà Hán chán dè ở nội, đan cỏ bồ thành chiếu mà chép sách Thượng-Thư để học. 2. — Công-tôn-Hoảng cũng về đời ấy, đã 50 tuổi đi chăn lợn thuê trong rừng Hàn-Trúc cũng chẻ trúc mỏng ra từng thanh để chép sách Xuân-thu mà học ; về sau Thư và Hoảng đều tài giỏi nổi tiếng ở đời. 3. — Tô-Tần ở về nước Tấn bên Tàu đi du thuyết không được, lúc trở về bị anh em khinh rẻ, bèn gắng sức đọc sách, mỗi lúc hơi ra dáng chán mỗi thì lấy dùi đâm vào vế cho tỉnh lại. 4. — Người Vương-Tôn-Kinh nước Tấn đọc sách, đêm sợ ngủ gật phải buộc tóc lên xà nhà cho khỏi lả đầu xuống. 5. — Ý nói soi ra ánh sáng mặt giảng ở ngoài sân cho rõ. 6. — Đều là người bên Tàu cả. 7. — Bắt đem đem bỏ vào bao để soi lên sách mà học. Thư-traí là phòng đọc sách. 8. — Nhà nghèo nhưng chăm học, phải đi kiếm củi, khi gánh về treo sách lên đầu gánh củi để xem. 9. — Tức là Lý-Mật đi chăn trâu, ngồi trên mình trâu đọc sách, quyển nào chưa đọc đến (một pho ý nói nhiều sách) thì treo lên sừng trâu. Hai ông (Lý-Mật và Mãi-Thần sau hiền đạt cả). 11. — Rộng rãi, to tát, hơn người.

Câu hỏi : Bài này chia làm mấy đoạn ? là những đoạn nào ? Đoạn trên nói về gì ? Những ông nào nghèo mà chăm học ? Những ông nào sợ lười không học phải làm những cách khác để cố học ? Đoạn dưới nói về gì ? Minh nay được nhờ ơn cha mẹ cho ăn học thì phải làm như thế nào ?

92. — **Độc báo có lợi**

Làm người muốn mở mang trí não ; (1)

Phải đem nhời nhứt-báo giảng ra,

Âu-châu các nước người ta :

Thợ thuyền, lính tráng, đàn bà, trẻ con,

A. — Xem tiểu-chuyện ở bài số 68

Làm ruộng với đi buôn cũng thế,
Tờ báo-chương vườn để cạnh mình ;
Kẻ xem, người giảng phân minh,
Ai ai cũng biết sự tình dở hay.
Tờ nhật-báo liền tay liền mắt,
Dầu việc gì cũng bớt mà xem ;
Cho nên cả nước tập rèn,
Việc hay bắt chước, việc hèn bỏ đi.
Dân như thế tài gì không mạnh,
Đem trí khôn tranh cạnh với đời,
Thênh thênh dọc đất ngang trời,
Thét lên mấy tiếng gọi : « ơi quốc-hồn ». (2)
Tàu thủy, lục (3) qua non vượt bể,
Máy cày bừa khéo chế làm ra,
Điện đặng, (4) điện báo, (5) điện xa, (6)
Máy cưa, máy sợi cùng là máy tợ.
Lắm nghề khéo còn chưa kể hết,
Nước văn-minh đọ hết đâu tài.
Càng lâu càng ngbĩ càng hay, (7)
Cũng vì nhật-báo ngày ngày giảng rao.....

Phan-bội-Châu

GIẢI NGHĨA : 1. — Trí khôn, não chất (chất óc). 2. — Hồn nước, cái tinh-thần như sức giàu mạnh, tài ganh đua, trí khôn ngoan của người trong nước. 3. — Lục là trên cạn, tàu lục là tàu chạy trên mặt đất, như ô-tô, xe lửa v. v. . 4. — Đèn điện. 5. — Báo tin bằng điện, như đánh giầy thép, gọi ống nói. 6. — Xe điện. 7. — Ý nói : càng về sau những cái văn-minh ấy càng thấy hay thêm ra, khéo thêm ra, giỏi thêm ra.

Câu hỏi : Bài này chia làm mấy đoạn ? mỗi đoạn ý nói gì ? Các nước bên Âu-châu văn-minh như thế nào ? Sở

dĩ người ta văn-minh hơn mình thế là vì có gì ? Vậy ta có nên đọc báo luôn luôn không ?

93. — Tài sắc hai chị em Thúy-Kiều

(Văn tả người) A

Đầu lòng hai ả tố-nga, (1)

Thúy-Kiều là chị, em là Thúy-Vân,

Mai cốt cách (2) tuyết tinh thần ; (3)

Mỗi ngu'ời mỗi vẻ, (4) mười phân vẹn mười.

Vân xem trang trọng (5) khác vời : (6)

Khuôn giãng (7) đầy đặn, nét ngài (8) nở nang.

Hoa cười, ngọc nói (9) đoan trang,

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da. (10)

Kiều càng sắc sảo mặn mà ;

So bề tài sắc lại là phần hơn.

Làn thu-thủy (11), nét xuân-sơn, (12)

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

Một hai nghiêng nước nghiêng thành ; (11)

Sắc đành đòi một, tài đành họa hai. (14)

Thông minh vốn sẵn tư giời, (15)

Pha nghề thi họa, (16) đủ mùi ca ngâm (17)

Cung thương lầu bậc ngũ âm, (18)

Nghề riêng ăn đứt Hồ-cầm (19) một trương.

Khúc nhà tay lựa nên xoang, (20)

Một thiên bạc-mệnh (21) lại càng não nhân. (22)

Trích trong truyện Kim-vân-Kiều

A. — Bài này là cái mẫu văn tả người trong các truyện ta, tả một cách bóng bẩy, thường mượn các vật ngoài mà hoặc ám chỉ vào các vẻ trong người (métaphores), hoặc so sánh với các cái trong người (comparaisons).

Truyện này nguyên ông Nguyễn-Du phỏng theo bản Tiểu-thuyết Tàu mà soạn ra. Ông là người làng Tiên-Điền, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-Tĩnh. Người có khí-tiết. Tổ-tiên ngày xưa đời đời làm quan nhà Lê, gặp loạn Tây-sơn, ông không chịu ra làm quan. Năm 1802, Đức Gia-Long vờn mãi, ông mới ra làm Tri-phủ Thường-tín (Hà-đông) rồi làm cai-bạ Quảng-bình, thăng đến Cần-chánh đại-học-sĩ, sung làm chánh-sứ sang cống bên Tàu ; đến khi về làng Lê-bộ hữu-tham-tri. Năm Minh-Mệnh nguyên-niên (1820) lại có mệnh sang sứ Tàu, nhưng chưa đi thì ông mất. Văn-chương ông hay lắm. Ông có soạn một bộ Bắc-hành-thi-tập và chuyện Kim-vân-Kiều.

GIẢI NGHĨA: 1. — Đẹp lắm. 2. — Giáng điệu người như cây mai, đó là chỉ sự đẹp về hình-thức. 3. — tinh-thần trong như tuyết, đó là chỉ sự đẹp về tinh-thần. 4. — Mỗi người có một vẻ đặc-sắc riêng. 5. — Nghiêm-trang, đáng mến, đáng trọng. 6. — Thường. 7. — Hình mặt đầy đặn như hình mặt giăng tròn. 8. — Nét lông mày nở nang như con ngài nở. 9. — Cười tươi như hoa, nói hay như ngọc. 10. — Tóc tơ mượt đến mây cũng không bằng, mà da trắng đến tuyết cũng phải kém. 11. — Mắt trong như nước mùa thu. 12. — Lông mày phơn phớt như núi mùa xuân. 13. — Đẹp mà đến cười một tiếng nghiêng thành, cười hai tiếng nghiêng nước, (theo câu thơ ông Lý-diên-Niên). 14. — ý nói ; nói về sắc thì đành không có ai sánh được mà nói về tài thì họa mới có được một người khác. 15. — Giời cấp cho, phú cho. 16. — Làm thơ và vẽ. 17. — Hát và ngâm. 18. — 5 thứ tiếng cao thấp khác nhau : cung, thương, giốc, chủy, vũ. 19. — Đàn cầm của người Hồ đặt ra. 20. — Điệu đàn. Câu này ý nói ; cô Kiều tự soạn lấy một điệu riêng. 21. — Mệnh mỏng, không gặp may, không ra gì. 22. — thiên ấy buồn bã làm cho người ta nghe náo nùng lắm.

Câu hỏi : Cái đẹp của nàng Vân, nàng Kiều có khác nhau không ? Tại sao tác-giả tả Thúy-Vân trước rồi mới tả đến Thúy-Kiều ? Những tiếng nào tả về hình thức ? Những tiếng nào tả về tinh-thần ? Nào ; Kiều tự đặt bài đàn Bạc-mệnh đề gảy, thì cái số phận của nàng sau này có phải đã hiện ra ở khúc tài ấy không ? Vì cớ gì ?

94. — Tài sắc một người cung-phi.

(Văn tả người) A

Trộm nhớ thừa gầy hình tạo hóa, (1)
Vẻ phù dung (2) một đoá khoe tươi.
Nụ hoa chưa mím miệng cười,
Gấm nàng Ban đã nhạt mùi thu dung. (3)
Áng đào-kiếm (4) đâm bông nỡ chúng, (5)
Khỏe thu-ba (6) gợn sóng khuynh thành. (7)
Bóng gương (8) lấp ló trong mảnh,
Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa. (9)
Chìm đáy nước cá lư dừ lặn,
Lửng da giới, nhận ngấn ngơ sa,
Hương giới đắm nguyệt say hoa, (10)
Tây-Thi (11) mất vía, Hằng-Nga (12) giựt mình.
Câu cầm-tú (13) đàn anh họ Lý, (14)
Nét đàn-thanh (15) bậc chị chàng Vương ; (16)
Cờ tiên, rượu thánh ai đang ?
Lưu-Linh (17) Đễ-Thích (18) là làng tri-âm.
Cầm điểm-nguyệt (19) phỏng tầm Tư-Mã, (20)
Phú lâu-thu (21) hỏi gã Tiêu-Lang (22)
Dầu mà tay múa miệng dương,
Thiên-Tiên (23) cũng ngành nghề thường (24) trong
[giăng.

Trích trong Cung-Oán ngâm khúc (B)

GIẢI NGHĨA : 1. — Sinh ra đời. 2. — mặt, Điền cũ, ông Bạch-cư-Dị trong bài Trường-hạ ca có câu khen bà Dương-Quý-phi rằng ; mặt ươi như hoa phù-dung. 3. — dáng mùa thu, ý nói là vẻ đẹp. 4. — má đào. 5. — làm cho nhiều người trông thấy phải thém mà

nào trong lòng. 6. — Sóng mùa thu, ý nói con mắt chong như thể. 7. — Xem ở bài số 93. 8. — Đây là giáng người rất đẹp, rất mỹ miều. 9. — Ý nói : Đẹp đến nỗi cỏ cây là vật vô tri cũng phải động tình. 10. — Cá lặn, nhạn sa, hoa say, nguyệt đắm đều tả cái nhan sắc cực đẹp. 11. — Người đàn bà nhan sắc tuyệt trần. 12. — Vọ Hậu-Nghệ, người đẹp lắm, ăn vụng thuốc tiên của chồng, rồi trốn lên cung giăng ở. 13. — Gấm, nhiều ; ý nói câu văn hay như gấm dệt, nhiều thêu. 14. — Là Lý-thái-Bạch hay thơ nhất đời Đường. 15. — Sơn, xanh ; ý nói nét vẽ đỏ, xanh. 16. — Là Vương-Duy, vẽ giỏi lắm về đời nhà Đường. 17. — Về đời nhà Tấn, tính hay rượu lắm. 18. — Người cao cò có tiếng. 19. — Đánh đàn ở trong diêm, dưới bóng giăng. 20. — Về đời nhà Hán, khéo gảy đàn lắm. 21. — Làm phú ở dưới lầu, về mùa thu. 22. — Về đời nhà Đường, giỏi phú lắm. 23. — Tiên trên giới. 24. — Bức xiêm nhuộm dáng cầu vòng. Vua Đường-minh-Hoàng có người thuật-sĩ đưa lên chơi cung giăng thấy có vài mươi người con gái đẹp mặc áo ấy đang múa. Ý hai câu cuối nói : dẫu nàng ấy có miệng hát tay múa thì tiên trên giới cũng phải ngảnh mặt không thèm nhìn lữ con gái múa trong cung giăng mà quay lại nhìn nàng.

Câu hỏi : Bài này chia làm mấy đoạn ? Đoạn nào tả về nhan sắc ? Đoạn nào tả về tài giỏi ? Nàng cung-phi này đẹp như thế nào ? Cái tài của nàng những gì ?

95. — Nhớ nhà

Trước lầu Ngưng-Bích (1) khóa xuân, (2)
Vẻ non xa, tấm giăng gần ở chung.

Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn (3) nọ, bụi hồng dặm kia.
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng, (4)
Tin sương luống những rầy mong mai chờ.
Bên giờ góc bể bơ vơ,
Tấm son (5) gột rửa bao giờ cho phai !
Sót người tựa cửa (6) hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh (7) những ai đó giờ ?
Sân Lai (8) cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc Tử (9) đã vừa người ôm !...
Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa,
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu ? !
Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Cân mây mặt đất một màu xanh xanh,
Buồn (10) trông gió cuốn mặt ghềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Trích trong truyện Kim-Vân-Kiều

Đoạn này tả nỗi buồn của nàng Kiều lúc đang ở lầu Ngưng-bích là lầu mục Tú-Bà để riêng cho nàng ở. Nguyên khi nàng phải bán mình cho Mã-Giám-Sinh để cứu cha, tưởng được kết duyên với gã Mã, nào ngờ bị vào tay mục Tú bắt nàng ở thanh-lâu tiếp khách ; nàng toan bề tự-tử nên mục Tú phải chiều ý mà cho nàng ở riêng đấy bảo để tìm nơi xứng đáng gả cho.

GIẢI NGHĨA ; 1. — Tên lầu ; nghĩa đen là sắc biếc đọng lại. 2. — giữ lại một nơi. Thơ cổ có câu : Đồng-tước xuân thâm tỏa nhị Kiều : 銅雀春深鎖二喬 một đèn Đồng-tước khóa xuân hai Kiều. 3. — Đổng cát ở ngoài bãi bể. 4. — Chén rượu cùng uống với tình-nhân để thề thốt nghĩa trăm năm với nhau (đồng là cùng) ; ý nói nhớ Kim-Trọng. 5. — Lòng son là lòng trinh tiết. 6. — Ý nói là mẹ, Diên cữu : mẹ Vương-tôn-Giả đời Chiến-Quốc bảo con : « mày đi, tao tựa cửa đứng mong. » 7. — Đạo con thờ cha mẹ. Chữ kinh Lễ : Con

thờ cha mẹ, khi nóng thì quạt cho mát, khi lạnh thì đắp chiếu cho ấm. 8. — Sân nhà cha mẹ, lấy tích ông Lão-Lai đời nhà Chu đã 70 tuổi còn mặc áo ngũ sắc ra sân múa như trẻ con để cha mẹ trông thấy được vui lòng. 9. — Gốc cây gỗ tử. Câu này ý nói: cha mẹ đã già. 10. — Nên nhận mấy chữ *buồn*. Người gặp bước lê nhên nhên mà trông cảnh cửa bể về chiều thấy thấp thoáng ngọn buồm xa xa không biết là thuyền ai, buồn lắm thay ! Người nhớ bước mà trông cảnh ngọn nước mới sa, thấy cảnh hoa trôi kia nào biết nó về đâu, buồn lắm thay ! Người ở xa nhà mà trông thấy cánh đồng cỏ rầu rầu man mác cùng một màu xanh, buồn lắm thay ! Người gặp cơn hoạn nạn mà trông thấy ngọn gió cuốn ở mặt ghềnh, tiếng sóng ầm ầm kêu quanh mình, buồn lắm thay !

Câu hỏi : Bài này chia làm mấy đoạn ? Đoạn nào nói nàng Kiều nhớ đến Kim-Trọng ? - Đoạn nào nói nàng Kiều nhớ đến cha mẹ ? — Những câu nào tả cảnh ? Những câu nào tả tình ? Người vui mà ở cảnh ấy có buồn không ?

96. — Hai chữ nước nhà

(Lời ông Phi-Khanh dặn con là ông Nguyễn-Trãi (A)
khi bị quân Minh bắt).

Cha xót phận tuổi già sức yếu,
Lỡ sa cơ đành chịu bó tay,
Thân lươn (1) bao quản vũng lầy,
Giang san (2) gánh vác sau này cày con.
Con nên nhớ Tổ-tôn khi trước,
Đã từng phen vì nước gian lao. (3)
Bắc Nam bờ cõi phân mao, (4)
Ngọn cờ độc-lập máu đào còn đây.
Kia Trưng-Nữ (5) ra tay buồm lái,
Phận liễu bồ (6) xoay với cuồng phong, (7)

A — Xem tiểu-chuyện ở bài số 68.

Giết giặc nước, trả thù chồng,
Nghìn thu tiếng nữ anh hùng còn ghi,
Kìa *Hưng-Đạo* (8) gặp khi quốc biến,
Vì giống nòi huyết chiến bao phen.
Sông *Bạch-Đằng* phá quân *Nguyên*,
Guom reo chính khí, nước rền *dur-uy*. (9)
Coi lịch-sử gương kia còn tỏ,
Mở *dur-dồ* đất nọ chưa tan,
Giang san này vườn giang san,
Mà nay sẽ nghe tan đàn vì ai !
Con đây cũng một người trong nước,
Phải nhắc cân gia quốc 家國 đôi đường,
Làm giai hồ thi (10) bốn phương,
Sao cho khỏi thẹn với gương *Lạc-Hồng*... (11)

Trần-tuấn-Khải (Bút quan-hoài)

GIẢI NGHĨA : 1 — Con lươn thường phải chui dúc ở các chỗ bùn lầy hang hốc. Thân lươn là thân yếu ớt phải chịu khổ sở. 2 — Xem ở bài số 77. 3. — Khó nhọc, khổ sở. 4. — chia cỏ mao ; ý nói đây là chia rẽ cho có giới-hạn. Về đời nhà Chu bên Tàu, vua ban cho các nước *Chư-hầu* mỗi nước một năm cỏ mao để cắm vào chỗ đất giáp giới nước mình làm giới-hạn với nước khác ; nên ngày nay người ta thường dùng hai chữ phân mao để chỉ sự chia giới-hạn. 5. — Xem ở bài số 89. 6. — Xem ở bài số 64. 7. — Gió cuộn, ý nói đây là lúc loạn lạc, có giặc dã. 8. — Tức là ông *Trần-quốc-Tuấn* quê ở làng *Tức-Mạc*, tỉnh *Nam-Định*. Năm thứ 7 thời vua *Thái-Tôn* (là em ruột *Ngài*) (1257) có giặc *Mông-cổ* lấn sang ta, *Ngài* cầm quân đi đánh. Đến thời vua *Nhân-Tôn*, giặc *Mông-cổ* lại sang hai lần : lần đầu, *Ngài* đánh tan được ; đến lần sau, *Ngài* dùng mưu phục quân ở sông *Bạch-Đằng* (thuộc tỉnh *Quảng-yên* bây giờ) phá tiết nên quân *Nguyên* không dám sang nữa. 9. — cái oai thừa còn lại tới nay. 10. — cung, tên. Tục bên Tàu ngày xưa hễ sinh con trai thì treo cung tên ở cửa để tỏ cái chí khí, 11. — Xem ở bài số 44.

Câu hỏi: Bài này chia làm mấy đoạn ? Ý mỗi đoạn thế nào ? Hai chữ *nước nhà* ý nói gì ? Tại sao ông Phi-Khanh lại dặn con rằng phải nhắc cân *gia quốc* ?

97. — Răn cờ bạc

(Phú độc vận) A

Gớm thay cờ bạc ! gớm thay cờ bạc !

Chẳng ớt mà cay, chẳng sung mà chát.

Bỏ bả nhau bằng con bài, đánh cạm nhau bằng đĩa bát.

Một trăm hai mươi quân (1) trần trụi, ba hàng ngang dọc (2) đảo điên ; — Bốn đồng mười sáu chữ rành rành, hai mặt âm-dương (3) xô-xát.

Trước chơi sau thực ; mon men gần đến chuyện ăn thua ; vào nhỏ ra to, kỳ cục mãi ra lòng bạc ác.

Được lúc hòn son đeo khố, ù-thông, thập-hồng, bạch-định, chờ nọc lên chi chi nầy (4) dùng dùng ; — dương khi đầu rắn giắt lưng, nhớ tin cặp-lệch (5) ba-bay (6), theo lối trúng khuôn (7) rền (8) chan chát.

Trước mặt đề đồng tiền sù sụ, hởi lòng mặc sức ba hoa ; — Trong lưng mang túi bạc kè kè, béo mỗ tha hồ phân phát.

A. — Phú nghĩa đen là tả cảnh nên phú thường làm đề tả cảnh tả tình, tả phong-tục. Làm Đường phú (Đường phú vì từ đời nhà Đường đặt ra) có nhiều cách hạ vần : 1. *độc vận* là từ đầu đến cuối theo một vần như bài này (những chữ vần với nhau ở bài này đều in bằng chữ đen to) ; 2. *hạn vận* là đã chọn sẵn một câu làm vần thì cứ theo đúng thứ tự những chữ trong câu ấy mà hạ vần ; 3. *phóng vận* thì muốn làm theo vần nào cũng được.

Mỗi bài phú chia làm nhiều đoạn, mỗi đoạn có nhiều câu, mỗi câu có hai vế đối nhau, nhưng chỉ phải hạ vần ở cuối vế thứ nhì.

Phú tùy mình muốn đặt mỗi đoạn mấy câu, mỗi câu mấy chữ cũng được.

Của ngon vật lạ đưa đến như mưa ; — bạc đón tiền đưa, kháo hơi như rác.

Nào những chú cao-lâu tìm đèn, xúm quanh mời công-tạo (9) bi bô ; — nào các cô hàng-sáo rủ về, tán mảnh chuyện nhàn-tình kia khác.

Chắc hẳn giờ nhà về thôi, tưởng lăm lăm những bụng ăn người ; — biết đâu phá đụn đi xin, chơi mãi mãi có khi bỏ xác.

(Còn nữa)

GIẢI NGHĨA: 1. — Một cỗ tổ tôm hay tài bàn có 120 quân bài. 2. — Trong cách đánh tài-bàn tổ-tôm thì hàng vạn, hàng sách hàng văn (3 hàng), đem ăn ngang như *tam vạn, tam sách, tam văn* hay đem ăn dọc: như *tam, tứ, ngũ văn; lục, thất, bát, cửu vạn*, v. v. 3. — Mặt chẵn và mặt lẻ (đánh sóc đĩa). 4. — Trong cách đánh tổ-tôm, nếu bài mình ù có 10 quân đỏ gọi là ù *thập-hồng*, — nếu bài mình ù toàn quân trắng cả gọi là *bạch-định*. — bài chờ chi chi mà bốc đến quân ấy thì gọi là ù *chi này*. 5. — Trong cách đánh sóc-đĩa, nếu cứ thấy hai chẵn một lẻ hay là hai lẻ một chẵn luôn mấy tiếng thì gọi là *cặp lệch*. 6. — Ba tiếng chẵn sang một tiếng lẻ, hoặc ba tiếng lẻ sang một tiếng chẵn. 7. — một tiếng chẵn sang một tiếng lẻ, hoặc một tiếng lẻ sang một tiếng chẵn, luôn thể mấy lượt. 8. — Luôn mấy tiếng chẵn hay luôn mấy tiếng lẻ. 9. — chung nhau dựng nên. Con bạc chung tiền để giao cho người ta làm đồ ăn chung.

Câu hỏi: Bài này chia làm mấy đoạn? Đoạn trên nói về gì? Đoạn thứ nhì và đoạn thứ ba ý nói thế nào? Cờ bạc thường bởi đâu sinh ra? Cái tình cảnh người đánh bạc lúc đỏ thế nào?

98. — Rắn cờ bạc

(Bài nối và hết)

Đến lúc họa lai thần ám, (1) bài xoay quanh bỏ chực bỏ

ừ, — phải khi vận bĩ quĩ trên, bạc đuổi nước càng thua càng khát.

Xóa cuộc này, bày cuộc khác, đen lại hoàn đen ; — đòi phần nợ, bỏ phần kia, nát (2) thì vẫn nát.

Quá tay nên nổi nợ nần ; nóng mặt tìm đường gỡ gạc.

Vơ cào, vơ cấu, lãi mấy cũng ừ ; lĩnh già lĩnh non, của ai cũng choạc.

Khi mới phải bán cửa bán nhà ; — khi mới phải cố đồ cố đạc.

Lo đèn nợ, bồn chồn mất ngủ, đặt xuống nằm thì lại giựt mình ; — nghĩ đến tiền, ngao ngán quên ăn, nuốt vào cổ hình như mắc chạc.

Vợ con cũng hết lòng thương, bạn bè cũng ra tình nhác.

Mất danh mất diện, quá chơi mà nên kẻ lẳng nhăng ; — hại thân hại đời, trót đại hóa ra người ngo ngác.

Thế mới biết ngồi vào đám bạc, già không thương trẻ, thẳng cũng như ông ; — thế mới hay lâm đến đồng tiền, con chả từ cha, cháu không tha bác.

Cao hạ bằng đẳng (3), lão cào lão cào ; — cốt nhục tương tàn (4), xác xơ xác.

Nghĩ đến chữ *tham tài nhi tử* (5), kẻ máu mè thôi chót đại thì chừa ; — nhớ đến câu *đương cục giả mê* (6), người trông thấy phải giữ gìn cho rất.

Trích cú của Trần-văn-Nghĩa

GIẢI NGHĨA: 1. — Lúc vạ đến thì hình như có ông ác thần ám ảnh mình làm cho mê muội đi. 2. — Cách đánh tổ tôm, hễ bài mình xấu, còn phải đánh nhiều lần mới có cơ ù được thì gọi là nát. 3. — Kẻ cao người hạ cùng một hàng với nhau, không phân biệt gì. 4. — Xương thịt hại lẫn nhau, cùng trong máu mủ mà

lại hại nhau. 5. — Tham của mà chết. 6. — Người ở trong cuộc thì thường mờ mịt như người ngủ mê không phân biệt được hay dở lợi hại thế nào.

Câu hỏi : Bài này chia làm mấy đoạn ? Mỗi đoạn ý nói thế nào ? Cái tình cảnh người đánh bạc lúc đen thê nào ? Đánh bạc đề nhục như thê nào ? Xem như thế thì kẻ máu mê và kẻ chưa mắc phải nên thê nào ?

99. — Văn tế (A)

Tế Phò-mã Chưởng-hậu-Quân Vũ-Tĩnh và Lễ-bộ Thượng-thư
Ngô-tòng-Chu

Than rằng :

Đạo thần-tử hết lòng thờ Chúa, gian nan từng *giải dạ* (1) trung-thành ; đứng anh-hùng vì nước quên mình, *bản-đăng* (2) chẳng sai lòng tiết-nghĩa.

Ngọc dầu tan, vể trắng nào phai ; trúc dẫu cháy, tiết ngay vẫn đề (3).

Nhớ hai người xưa :

Thao-lược (4) ấy tài, *kinh-luân* (5) là chí.

Phù vạc Hán (6) thừa ngôi giời chéch lệch, chém gai đuổi lũ hung-lân ; với *xe Đường* (7) khi thế nước chông chênh, cầm bút ra tay *kinh-tế*. (8).

Mỗi nghĩa sính duyên *gác tia*, (9) bước gian-truân từng cạy *dạ khuông-phù* ; (10) — *màn kinh* (11) giúp sức cung xanh, (12) công *mông dưỡng* (13) đã đánh lòng *ủy ký* (14).

Hậu-quân thừa trao quyền *tứ-trụ*, (15) chữ ân-uy nhơn

A. — Là một bài đọc lúc tế người chết để kể tính nết công đức của người ấy mà tỏ tấm lòng kính trọng thương tiếc của mình. Văn-tế hoặc làm theo lối Đường-phú (như bài trên này) hay lối văn xuôi như các bài điệu văn bây giờ.

nhỏ đều *phu* : (16)—*Lễ-bộ* phen giúp việc *chính khanh* (17) *bề trung-ái* (18) sớm khuya chẳng trễ.

Ngoài cõi vượt nanh ra sức, chỉ *tiêm-cửu* (19) đành giải xuống ba-quân ; — trong thành then khóa chia lo, lòng *ưu-quốc* (20) đã thẩu lên chín-bệ.

Miền *biên-khôn* (21) đôi năm chia sức giặc, (22) vững lòng tôi bao quản thể là nguy ; — Cõi *Phủ-Xuân* (23) một trận khét uy giới, nặng việc nước, phải lấy mình làm nhẹ.

Tiêu dẫn: Ông *Võ-Tĩnh* là bậc danh tướng của *Đức Gia-Long*, lại lấy em gái *Ngài*; Ông *Ngô-tòng-Chu* là bậc văn thần làm *Lễ-bộ* thượng-thư sung chức phụ-đạo *Đông-cung*. Hồi *Đức Gia-Long* đã hạ được thành *Qui-Nhơn* của *Tây-Sơn* (1799), sai hai ông giữ thành ấy. Không bao lâu, *Tây-Sơn* kéo đến vây thành, trong hơn hai mươi năm giờ, hai ông hết sức chống giữ mà không được nên hai ông đều tự-tử. Ông *Tĩnh* thì tự đốt chết, ông *Chu* thì tự uống thuốc độc chết.

GIẢI NGHĨA : 1. — Bày tỏ tấm lòng. 2. — Xiêu giạt, nói về đời loạn lạc. 3. — Hòn ngọc đập tan ra vẫn giữ vẻ trắng, cây trúc đốt cháy đi cũng còn nguyên đốt ngay ; ý nói : bậc trung nghĩa dầu thác đi mà còn lưu tiếng thơm để gương sáng về sau. 4. — Mẹo mực về việc dùng binh. 5. — Sửa sang xếp đặt ra từng mối. 6. — Vạc là cái đỉnh ; tức là biểu hiệu ngôi vua ; Hán là họ vua bên Tàu ngày xưa, ý nói đây : lúc nhà vua gặp nạn. 7. — Xe vua nhà Đường bên Tàu khi chạy loạn, ý nói đây : lúc trong nước có loạn. 8. — Sửa sang giúp đỡ. 9. — Chỗ bà công-chúa ở, câu này nói việc ông *Tĩnh* lấy em *Đức Gia-Long*. 10. — Giúp đỡ cho ngay. 11. — Màn của ông thầy ngồi giảng sách dạy học. 12. — Cung của *Thái-tử* học ở ngoài có sơn xanh. Câu này nói việc ông *Chu* làm phụ-đạo cho *Đông-cung Cảnh*. 13. — Dạy, nuôi người tuổi trẻ. 14. — Ủy thác, gửi. 15. — Bốn cái cột cái, chỗ về bốn ông đại tướng. 16. — Tin phục. 17. — Ngôi quan *Khanh* chính-chức trên bậc *Thiếu-Khanh*. 18. — Lòng trung yêu nước. 19. — Giết giặc thù. 20. — Lo nghĩ việc nước. 21. — Chỗ bờ cõi. Bấy giờ *Đức Gia-Long* mới thu phục

được Gia-Định nên thành Qui-Nhơn cũng kể là nơi biên thủy. 22. — Là vì có ông Tính giữ vững thành ấy nên quân Tây-Son không thể lia đấy mà ra ngoài Bắc được. 23. — Tức là Huế, nhờ có ông Tính giữ vững thành Qui-Nhơn nên đức Gia-Long thừa cơ đánh lấy được thành Phú-Xuân.

Câu hỏi : Đoạn trên này kể lại công lao hai ông như thế nào ? Ông Võ-Tính đã lập được những công gì ? Ông Ngô-tòng-Chu có công gì với đức Cao-Hoàng ? Về đoạn kể tài đức hai ông, có điều gì nên nhận không ? (là cứ câu trên nói về ông Tính, câu dưới nói về ông Chu).

100. — Văn-tế

Tể Phò-Mã Chưởng-hậu-Quân Vũ-Tánh và Lễ-Bộ Thượng-thư
Ngô-tòng-Chu (bài nổi và hết)

Sửa mũ áo lạy về *Bắc-khuyết*, (1) ngọn quang minh hua nát tẩm *trung-ca* ; (2) chỉ non sông giã với *cổ-thành*, (3) chén *tân khỗ* (4) nhấp ngon mùi *chính khí* (5).

Há rằng ngại một phen *thử thạch*, (6) giải trùng vi mà theo tới quân vương ; bởi vì thương muôn mạng *tì-hưu* (7), thà nhất tử để cho toàn tướng-sĩ (8).

Tiêng hiệu-lệnh mơn màng trước gió, ân tía xua người bộ *khúc* (9) thương tâm, bóng *tinh trung* (10) thấp thoáng dưới đèn, *phong-nghi* (11) cũ kể liêu bắng (12) *sái-lệ* (13)

Cơ *đăng định* (14) kịp chày đánh hẹn buổi, sót *tướng doanh* (15) sao vắng mặt *thân-huân* (16) ; — phận *truy tùy* (17) gang tấc cũng đền công, tiếc *nhung mạc* (18) bỗng thiệt tay *trung trí*, (19). Nay gặp tiết thu, bày tuần *úy tế* (20).

Hai chữ cương thường nghĩa nặng, rõ *cồn hoa* (21) cũng thỏa chốn *u minh* (22) ; nghìn thu *hà nhạc* (23) khi thiêng, sắp *mao viết* (24) để mở nền bình trị.

Đặng-đức-Siêu

Ông người huyện Bồng-Sơn tỉnh Bình-Định, đỗ Hương-Tiên năm 16 tuổi, làm quan trong viện Hàn-Lâm triều đức Duệ-Tôn, sau gặp quân nhà Trịnh vào sâm, rồi đến quân Tây-Sơn lấy kinh thành đều có vời ông ra làm quan, ông không chịu; mãi sau ông tìm vào Gia-Định để giúp việc vua Gia-Long. Ông học rộng, tài cao; trong mấy năm bình định được Tây-Sơn, ông rất có công nên được đức Gia-Long yêu quý, cho ông làm Hoàng-Tử phụ-đạo, rồi lên đến Lễ-bộ thượng-thư, tới năm Gia-Long thứ chín (1811) thì mất.

GIẢI NGHĨA: 1. — Cửa thành phía bắc ở Kinh-Đô nhà vua. 2. — Trung là trung nghĩa, can là gan. 3. — Thành đứng một mình; đây trở vào thành Qui-Nhơn. 4. — Chén dâng cay, trở vào chén thuốc độc. 5. — Khí tiết trung trinh, 6. — Mũi tên, viên đạn. 7. — Loài thú giữ, ví như quân lính khỏe mạnh. — 8. Đã mấy lần đức Gia-Long bảo ông Tĩnh đánh tan vòng vây mà thoát ra để theo Ngải nhưng ông sợ làm thế thì tất sau Tây-Sơn tức giận giết hết sĩ tốt nên ông đành chịu chết để cứu quân sĩ. 9. — Đội, ngũ, đám quân dưới quyền mình. 10. — Hồn trung nghĩa thiêng liêng. 11. — Dáng dấp uy nghi. 12. — Bạn cùng làm quan với mình. 13. — Rơi giọt nước mắt. 14. — Dẹp định hết giặc giã. 15. — Dinh quan tướng đóng. 16. — Người thân với nhà vua, lại có công to. 17. — theo đòi. 18. — Mượn quan tướng ngồi tính việc binh. 19. — Trung thần trí sĩ. 20. — Tế để yên ủi. 21. — Sắc mệnh của vua ban cho. Vinh hiển như khoác áo cổn hoa vào mình. 22. — Nơi mờ tối là nơi âm phủ. 23. — Diễn cũ: Thần sông Hà núi Nhạc giáng sinh ra những bậc danh tướng giúp nước phò vua. Đây nói hai ông ấy chết về nơi sông Hà núi Nhạc, anh khí thiêng liêng phù hộ cho vua cho nước. 24. — Mao là cò, việt là giáo, chỉ chung là đồ binh khí dùng để đánh giặc. Sắp mao việt là đánh tan hết giặc.

Câu hỏi: Đoạn này ý nói gì? Ngon quang vinh hun mát tấm trung can; chén tân khổ nhấp ngon mùi chính khí: chữ *mát* và chữ *ngon* nói đây có ý gì? Những câu nào tỏ lòng thương tiếc và mong ước của vua? Cái cảm tình của anh đọc bài này thế nào?

Chung

Bảng tóm tắt đại lược các lối văn vần

I.-Ca-Dao { (Xem bài số 1, 8, 13, 25, 38.)					
II. - Thơ	1. Đường-luật	Thẻ bằng; xem bài số 60	theo	số chữ có	Ngũ ngôn, xem bài số 49
	xem bài số 50	Thẻ trắc — — 59			
	2. — Cổ thể	xem bài số 49 (A)		Mỗi thể	số câu có
					Bát cú, — — 50
					Trường thiên, — — 76
III. - Ca					
1. — Hai thẻ chính	{ ¹⁰) Lục bát, xem bài số 44.				
	2.) Song thất lục bát (hay lục bát gián thất) xem bài số 72 và 80				
2. — Máy thẻ khác	{ 1.) Hát nói (hay hát ả-đào), xem bài số 83.				
	2.) Hát ru em, xem bài số 83 vân, vân...				
IV. - Phú					
1. — Đường-luật	{ 1.) Độc vận, xem bài số 97, 98				
	2.) Hạn vận, (chọn sẵn một câu làm vần rồi cứ theo thứ tự [trong câu ấy mà hạ vần])				
2. — Máy lối khác	{ 3.) Phóng vận (muốn làm theo vần nào cũng được)				
	{ 1.) Phú từ tự (từ đầu chí cuối dùng toàn bốn chữ)				
	{ 2.) Phú thất tự (như lối thơ tràng-thiên)				
	{ 3.) Theo điện sở từ (mỗi câu 5, 6 chữ đếm chữ hễ)				
	{ 4.) Theo điệu lưu thủy (cách đặt trôi chảy tựa văn xuôi)				
V.-Văn tế					
1. — làm theo Đường phú, xem bài số 99, 100					
	2. — làm theo lối lưu thủy hay lối văn xuôi				

(A) Nên kể thêm: thơ làm lối phóng điệu, không có bằng cứ gì, chỉ có vần thôi, như bài số 31, 35

MỤC LỤC

số bài	Đầu bài và lời văn hay thể văn	số trang
1.	— Cha sinh mẹ dưỡng. <i>Ca-dao</i>	1
2.	— Thờ cha kính mẹ. <i>Ca lục bát</i>	1
3.	— Nghe lời cha mẹ. <i>Ca lục bát</i>	2
4.	— Nhớ ơn. <i>Ca lục bát</i>	2
5.	— Gọi, dạ; bảo, vâng. <i>Ca lục bát</i>	3
6.	— Ông bà. <i>Ca song thất lục bát</i>	3
7.	— Tình anh em. <i>Ca lục bát</i>	4
8.	— Kính mến tổ Tiên. <i>Ca-dao</i>	4
9.	— Thương yêu kẻ tôi tớ. <i>Ca lục bát</i>	5
10.	— Họ hàng. <i>Ca song thất lục bát</i>	5
11.	— Khuyên nên thương yêu nhau. <i>Ca-dao</i>	6
12.	— Chọn bạn mà chơi. <i>Ca lục bát</i>	6
13.	— Ganh đua. <i>Ca-dao</i>	7
14.	— Cây sen. <i>Ca-dao</i>	7
15.	— Hợp quần. <i>Ca-dao</i>	8
16.	— Nên chăm học. <i>Ca lục bát</i>	8
17.	— Phải chăm học. <i>Ca lục bát</i>	9
18.	— Lười biếng. <i>Thơ thất ngôn tứ tuyệt</i>	9
19.	— Có chí thì nên. <i>Ca-dao</i>	10
20.	— Thì giờ. <i>Ca lục bát</i>	10
21.	— Thời giờ thấm thoát. <i>Thơ thất ngôn tứ tuyệt</i>	11
22.	— Cách nói năng. <i>Ca lục bát</i>	11
23.	— Cách ăn mặc. <i>Ca song thất lục bát</i>	12
24.	— Chớ cười người. <i>Ca-dao</i>	12
25.	— Tham thực cực thân. —	13
26.	— Khuyên nên tiết kiệm. —	13
27.	— Cứ xử có nhân. —	14
28.	— Xét mình. —	14

29. — Làm người phải học. <i>Ca lục bát</i>		15
30. — Bạc quả quyết. <i>Ca-dao</i>		15
31. — Khuyên hiếu đễ. <i>Phóng điệu</i>		16
32. — Bài ca khuyên con. <i>Ca-dao</i>		16
33. — Rủ bạn đi học. <i>Ca lục bát</i>		17
34. — Mừng tuổi năm mới. <i>Phóng điệu</i>		18
35. — Con mừng tuổi cha mẹ	—	19
36. — Công mẹ. <i>Ca lục bát</i>		19
37. — Buôn bán phải cho thật thà. <i>Ca-dao</i>		20
38. — Chớ làm giai	—	21
39. — Yêu ai ? <i>Ca lục bát</i>		22
40. — Vị tiền	—	23
41. — Dện với tằm	—	24
42. — Các nghề I	—	24
43. — Các nghề II	—	25
44. — Khuyên nên đồng tâm	—	26
45. — Mấy lời khuyên răn	—	27
46. — Chớ đề đến ngày mai. <i>Ca song thất lục bát</i>		28
47. — Ta stronger hơn người thì phải học. <i>Ca lục bát</i>		28
48. — Lời khuyên con lúc đi học	—	29
49. — Khen Trần-bình-Trọng		
<i>Thơ ngũ ngôn, bát cú, lối cổ thể</i>		 30
50. — Khuyên học. <i>Thơ Đường-luật thất ngôn, bát cú</i>		31
51. — Làm con phải hiếu <i>Thơ bát cú lối (thủ vĩ ngâm)</i>		32
52. — Khuyên hiếu. <i>Thơ thất ngôn bát cú</i>		33
53. — Răn không nên chơi cờ bạc	—	34
54. — Răn không nên khí khái	—	34
55. — Tốt danh hơn lành áo	—	35

56.	—	Mấy lời khuyên đàn bà con gái. <i>Thơ thất ngôn bát cú.</i>	36
57.	—	Ở đời.	37
58.	—	Tình bè bạn. <i>Ca lục bát</i>	37
59.	—	Qua Đèo-Ngang. <i>Thất ngôn làm theo luật trắc</i>	38
60.	—	Giời hôm nhớ nhà. — <i>làm theo luật bằng</i>	40
61.	—	Thành Thăng-Long. — <i>(thề hoài cổ)</i>	41
62.	—	Ông Tiến-sĩ giấy. — <i>(thề vịnh vật)</i>	42
63.	—	Người bồ nhên. — —	43
64.	—	Trách hề. — <i>(thề ngẫu vịnh, lối tả tình)</i>	44
65.	—	Vịnh Triệu-Âu. — <i>(thề vịnh sử)</i>	45
66.	—	Đối với thầy. <i>Ca lục bát</i>	46
67.	—	Khuyên đàn bà con gái nên giữ trinh tiết. <i>Ca lục bát</i>	47
68.	—	Con gái khi còn ở nhà	
		<i>Ca song thất lục bát (thề biển)</i>	48
69.	—	Bốn đức tốt của người con gái —	49
70.	—	Khuyên học. <i>Hát nói</i>	50
71.	—	Không nên ham chơi.	
		<i>Thơ thất ngôn tứ tuyệt (liên hoàn)</i>	51
72.	—	Bài viếng cụ Nghè Vân-Đình I	
		<i>Ca lục bát gián thất.</i>	52
73.	—	Bài viếng cụ Nghè Vân-Đình II — —	53
74.	—	Bài viếng cụ Nghè Vân-Đình III — —	54
75.	—	Khuyên người nên đi xa mà học. <i>Ca lục bát</i> ,	55
76.	—	Nước ta về đời Thượng-cổ I	
		<i>Thơ thất ngôn (tràng thiên)</i>	56
77.	—	Nước ta về đời Thượng-cổ II — —	57
78.	—	Đức Thánh Gióng. <i>Ca lục bát</i>	58
79.	—	Câu hỏi của cậu bé. —	59
80.	—	Cái hộp. <i>Ca song thất lục bát</i>	61

81. — Có tiếng còn hơn có miệng. <i>Ca lục bát</i>	62
82. — Khuyên học. —	63
83. — Khuyên học. <i>Thề hát ru em</i>	64
84. — Nhớ bạn. <i>Ca lục bát</i>	66
85. — Đòi người khổ sở. <i>Ca song thất lục bát</i>	67
86. — Than nghèo I <i>Thơ bát cú (thề liên hoàn)</i>	69
87. — Than nghèo II — —	70
88. — Quí thời giờ. <i>Hát nói</i>	72
89. — Bà Trưng-Trắc. <i>Ca lục bát</i>	74
90. — Hương-sơn. <i>Hát nói</i>	75
91. — Gương hiếu học, <i>Ca song thất lục bát</i>	77
92. — Đọc báo có lợi. — —	78
93. — Tài sắc hai chị em Thúy-Kiều. <i>Ca lục bát</i>	80
94. — Tài sắc một người cung-phi. <i>Ca song thất lục bát</i>	82
95. — Nhớ nhà. <i>Ca lục bát</i>	83
96. — Hai chữ nước nhà. <i>Ca song thất lục bát</i>	85
97. — Rắn cờ bạc I <i>Phú (thề độc vận)</i>	87
98. — Rắn cờ bạc II —	88
99. — Văn-tê tế phò-mã Chương-hậu quân Vũ-Tĩnh và Lê-bộ-thượng-thư Ngô-tòng-Chu I	90
100. — Văn-tê tế phò-mã Chương-hậu-quân Vũ-Tĩnh và Lê-bộ thượng-thư Ngô-tòng-Chu II	92

Đương biên tập

TẢN VĂN HỢP TUYỂN

Nội dung
cũng như cuốn này

LEÇONS D'HISTOIRE D'ANNAM

*à l'usage des Cours Moyen et Supérieur des
Écoles franco-annamites*

Leçons développées. — Résumées. — Lectures. —
Tableaux chronologiques. — Cartes historiques

par

DƯƠNG-QUẢNG-HÀM

Professeur au Collège du Protectorat

Préface de M. C. Mus

Directeur de l'École Supérieure de Pédagogie de l'Indochine

300 pages

Prix : 0\$80 — Port : 0\$22

Quelques appréciations

« . . . Je suis heureux de vous féliciter pour la composition de cet ouvrage bien adopté aux besoins de l'Enseignement du 1^{er} degré auquel sa publication rend un signalé service. J'y ai trouvé une marque nouvelle des qualités pédagogiques qui ont déjà attiré à plusieurs reprises l'attention de vos chefs . . . »

(Extrait d'une lettre de M. le Recteur d'Académie, Directeur Général de l'Instruction publique en Indochine)

« . . . Điều đặc-sắc nhất trong cuốn sách ấy là lúc tác-giả theo phương-pháp mới để chép việc ; không theo phép biên-niên mà theo phép ký-sự, bất kỳ việc gì, việc chiến-tranh, việc cai-trị, việc học, việc binh, v. v. . . đều chép thành từng mục, có đầu cuối, có nguyên-nhân kết quả, khiến cho người đọc dễ hiểu công việc trong một thời kỳ . . . »

Trung-Bắc Tân-Văn, ngày 31 Décembre 1927

« . . . Cuốn sách của ông Dương-quảng-Hàm này, thật là kết-quả mỹ-hảo. . . Sách soạn thật vi, giản-ước mà hoàn-bị, lời phán-đoán đích-đáng mà công-bình. . . Bản-báo xin giới-thiệu cùng độc-giả và các học-sinh Pháp, Nam, cho đến những người nào yêu đọc Nam-sử, nên mua một cuốn sách này, chắc sẽ được bằng lòng. . . »

Trung-Hòa Nhật-Báo ngày 5 Janvier 1928

Sách này đã được Hội đồng duyệt sách cho dùng trong các trường

ĐÃ IN LẦN THỨ BA

Một cuốn sách đề nghiên cứu về quốc-văn

QUỐC VĂN TRÍCH DIỆM

Trích lục đủ các lối thơ văn của các nhà danh sĩ xưa nay, có chú trích và bình giảng cùng giải thích các phép tắc về các lối văn, lại phụ thêm tập Hán-Việt văn-bieu và Tác-giả tiểu-chuyện.

DƯƠNG - QUẢNG - HÀM

soạn

Đầy 252 trang ; giá 0\$35 cước 0\$25

(Đã được Hội-đồng duyệt sách duyệt-y cho dùng trong các trường)

ĐÃ IN LẦN THỨ TƯ

TẬP BÀI THI BẰNG SƠ HỌC YẾU LƯỢC

Được Hội Đồng duyệt sách

duyet y cho dùng trong các trường

Dương-quảng-Hàm và Dương-tự-Quán soạn

Cốt để luyện học trò thi bằng Sơ-học yếu lược. Trên đầu sách có trích lục nghị-định về khoa thi ấy rồi đến những bài thi ; mỗi đầu đề (ám-tả, luận quốc-văn, tính đồ và dịch chữ Pháp) đều có nhiều bài soạn sẵn làm mẫu và các lời chỉ dẫn cho học trò về cách làm bài, lại phụ thêm nhiều đầu bài tương tự để thầy giáo chọn ra cho học trò làm. Cách xếp đặt chia ra có từng mục loại ; các bài lời lẽ rất giản dị rõ ràng, các thầy theo đó mà dạy, các học trò theo đó mà học, tưởng cũng được cái công hiệu rất lớn vậy

Đầy gần 170 trang ; giá bán 0\$35 – cước 0\$16

Ở xa gửi bằng timbres postes cũng được cho M. Dương-tự-Quán, 221, Rue du Colon – Hanoi.